
LỜI MỞ ĐẦU

Mỗi doanh nghiệp là một mắt xích quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Sự phát triển của doanh nghiệp góp phần đảm bảo nền kinh tế phồn vinh, thịnh vượng. Hiện nay Đảng và Nhà nước ta có nhiều chính sách phát triển kinh tế nhằm phát huy tối đa tiềm năng kinh tế của mọi thành phần thì yêu cầu đặt ra đối với doanh nghiệp Nhà nước phải giữ được vị trí là nòng cốt để đảm bảo cho nền kinh tế xã hội phát triển đúng hướng. Như vậy đối với các doanh nghiệp đòi hỏi các nhà quản lý doanh nghiệp phải tìm mọi biện pháp để đạt được kết quả kinh doanh cao nhất, bảo toàn và phát triển vốn, chiến thắng trong cạnh tranh, đứng vững ổn định trên thương trường và phát triển bền vững lâu dài.

Ngày nay với xu hướng tự do cạnh tranh hàng loạt các xí nghiệp, nhà máy, công ty được mở ra. Nhu cầu buôn bán trên thị trường ngày càng được mở rộng. Việt Nam đã dần trở thành một thị trường sôi động. Trong phần đóng góp của các doanh nghiệp phải kể đến phần đóng góp rất lớn của công tác quản trị tài chính trong doanh nghiệp mà hạch toán kế toán là bộ phận quan trọng của hệ thống quản trị tài chính. Đây là bộ phận gián tiếp góp phần tạo nên thành công chung cho các doanh nghiệp. Nó có vai trò tích cực trong điều hành và kiểm soát các hoạt động kinh tế góp phần tích cực vào quản lý tài chính của nhà nước nói riêng và quản lý doanh nghiệp nói chung vì nó giúp cho các nhà quản trị doanh nghiệp đưa ra quyết định nhanh chóng và hợp lý nhất đảm bảo cho sản xuất kinh doanh ổn định và phát triển bền vững.

Trong quá trình hạch toán kế toán việc phản ánh kết quả tiêu thụ, ghi nhận doanh thu, thu nhập của doanh nghiệp đầy đủ, kịp thời góp phần đẩy tăng tốc độ chu chuyển vốn lưu động tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình kinh doanh. Việc ghi chép chính xác các nghiệp vụ kinh tế này có ảnh hưởng lớn đến tình hình thực hiện tài chính doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp có được cái nhìn toàn diện đúng đắn về tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Xuất phát từ tầm quan trọng đó, sau một thời gian thực tế tại công ty Cổ phần cơ khí và vật liệu xây dựng Thanh Phúc cùng với những kiến thức đã tiếp thu được trong quá trình học tập em xin mạnh dạn nêu ra những ý kiến của mình về

vấn đề : "*Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần cơ khí và vật liệu xây dựng Thanh Phúc*", để qua đó em có cơ hội tiếp tục đi sâu nghiên cứu, tìm hiểu và từ đó đưa ra những giải pháp của riêng mình đối với mảng đề tài này.

Mặc dù được sự giúp đỡ tận tình của TS. Chúc Anh Tú cùng các thầy cô trong trường và các anh chị trong phòng kế toán của công ty Cổ phần cơ khí và vật liệu xây dựng Thanh Phúc nhưng do bản thân em còn thiếu những kiến thức thực tế nên trong bài viết của em vẫn còn nhiều thiếu sót.

Em kính mong các thầy cô chỉ bảo hướng dẫn để em hoàn thành tốt bài khóa luận này và cả trong quá trình làm việc sau này.

Nội dung khóa luận của em gồm 3 chương sau (không kể lời mở đầu và kết luận)

Chương 1: Vấn đề chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp sản xuất

Chương 2: Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần cơ khí và vật liệu xây dựng Thanh Phúc

Chương 3: Một số ý kiến nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần cơ khí và vật liệu xây dựng Thanh Phúc

Xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày.....tháng.....năm 2011

Sinh viên

Phạm Kim Dung

CHƯƠNG 1 - VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT

1.1 Khái niệm, đặc điểm doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**1.1.1 Doanh thu**

Theo chuẩn mực số 14 doanh thu và thu nhập khác ban hành theo quyết định số 149/2001/QĐ/BTC ngày 31/12/2001 của bộ trưởng Bộ Tài Chính và thông tư số 89/2002/TT-BTC thì:

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như : Bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

Doanh thu thuần là doanh thu bán hàng sau khi đã trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu như : Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế suất khấu, thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp trực tiếp.

1.1.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

- Chiết khấu thương mại: là khoản tiền chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá niêm yết doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng do người mua hàng đã mua sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ với khối lượng lớn theo thoả thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế hoặc cam kết mua bán hàng.
- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) giảm trừ cho bên mua hàng trong trường hợp đặc biệt, vì lý do hàng bán bị kém phẩm chất, không đúng quy cách, hoặc không đúng thời hạn... đã ghi trong hợp đồng kinh tế.

- Hàng bán bị trả lại: là số sản phẩm, hàng hoá doanh nghiệp đã ghi nhận doanh thu nhưng bị khách hàng trả lại do vi phạm các điều kiện đã cam kết trong hợp đồng kinh tế hoặc theo chính sách bảo hành như: hàng kém phẩm chất, hàng sai quy cách, chủng loại ...
- Thuế tiêu thụ đặc biệt: là loại thuế được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất một số mặt hàng đặc biệt mà nhà nước không khuyến khích sản xuất như: rượu, bia, thuốc lá, vàng mã, bài lá...
- Thuế xuất khẩu: là một sắc thuế đánh vào tất cả hàng hoá, dịch vụ mua bán, trao đổi với nước ngoài khi xuất khẩu ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.
- Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp: là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hoá dịch vụ phát sinh trong quá trình sản xuất lưu thông đến tiêu dùng. Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ báo cáo

1.1.3 Giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Giá vốn hàng bán: Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp)

Chi phí bán hàng: Là toàn bộ các khoản chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ. Chi phí bán hàng bao gồm:

- + Chi phí nhân viên
- + Chi phí bảo hành
- + Chi phí vật liệu, bao bì
- + Chi phí dịch vụ mua ngoài
- + Chi phí khấu hao TSCĐ
- + Chi phí bằng tiền khác
- + Chi phí công cụ, dụng cụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp: Là toàn bộ các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động chung của doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm:

- + Chi phí nhân viên quản lý
- + Thuế, phí và lệ phí
- + Chi phí vật liệu quản lý
- + Chi phí dịch vụ mua ngoài
- + Chi phí đồ dùng văn phòng
- + Chi phí bằng tiền khác
- + Chi phí khấu hao TSCĐ.

1.1.4 Doanh thu tài chính, chi phí tài chính

Chi phí tài chính: Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, ... Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái,...

Chi phí tài chính bao gồm:

- + Chi phí liên quan hoạt động đầu tư chứng khoán
- + Chi phí lãi vay vốn kinh doanh, khoản vay ngắn hạn và dài hạn
- + Chi phí hoạt động liên doanh
- + Chi phí về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn và dài hạn
- + Chi phí về mua bán ngoại tệ
- + Các chi phí về đầu tư tài chính khác

Doanh thu tài chính: Phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp. Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:

- + Cổ tức, lợi nhuận được chia
- + Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn
- + Thu về các hoạt động đầu tư khác
- + Lãi tỷ giá do bán ngoại tệ
- + Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn
- + Các khoản doanh thu hoạt động tài chính.

1.1.5 Chi phí khác, thu nhập khác

Chi phí khác: Phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp. Chi phí khác bao gồm:

- + Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- + Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư tài chính dài hạn khác.
- + Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế
- + Bị phạt thuế, truy nộp thuế
- + Các khoản chi phí khác

Thu nhập khác: Phản ánh các khoản thu nhập khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Thu nhập khác bao gồm:

- + Thu nhập từ nhượng bán thanh lý TSCĐ
- + Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản
- + Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ...

1.1.6 Xác định kết quả kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần với trị giá vốn của hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động tài chính: Là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

Kết quả hoạt động khác: Là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Số tiền lãi (lỗ) được phân phối như sau:

Nếu lỗ sẽ trừ vào lợi nhuận sau thuế của các năm tài chính tiếp theo.

Nếu lãi doanh nghiệp tiến hành phân phối theo trình tự sau:

- + Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.
- + Nộp tiền thu về sử dụng vốn ngân sách nhà nước.
- + Trừ các khoản chi thực tế đã chi nhưng không được tính vào chi phí hợp lý, hợp lệ, các khoản lỗ năm trước chuyển sang.

+ Trích lập các quỹ: quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng giảm giá, quỹ khen thưởng phúc lợi.

+ Chia lãi các bên tham gia góp vốn.

1.2 Vai trò, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.2.1 Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD

Hoà mình vào sự phát triển kinh tế của nước nhà cùng với các chính sách mở cửa của nhà nước, tiến trình gia nhập các tổ chức kinh tế khu vực và thế giới đã đầy đủ và có hiệu lực làm cho hàng hoá xuất hiện trên thị trường Việt Nam ngày càng tăng tạo nên sức ép cho các công ty trong nước. Để đứng vững trong guồng quay của nền kinh tế thị trường đòi hỏi các doanh nghiệp phải biết kinh doanh có hiệu quả, hợp lý chặt chẽ, nghiêm túc có hiệu quả công tác quản lý tiết kiệm chi phí nâng cao doanh thu, lợi nhuận.

Qua quá trình doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh để mỗi doanh nghiệp xây dựng các kế hoạch quản lý sản xuất, các biện pháp nhằm nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm chi phí đảm bảo cho doanh nghiệp thu hồi vốn nhanh tăng nhanh vòng quay vốn liên tục mở rộng quá trình sản xuất kinh doanh của mình. Muốn vậy, doanh nghiệp phải làm tốt công tác quản lý và đặc biệt là công tác hạch toán kế toán - đây là công cụ giúp cho doanh nghiệp tồn tại và đứng vững vì nó cung cấp cho ban lãnh đạo các thông tin số liệu chính xác về tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Để chống chọi với sức ép của thị trường và xu thế cạnh tranh toàn cầu, các doanh nghiệp phải tự chủ sản xuất, tự hạch toán kinh tế để có lợi nhuận cao nhất. Sử dụng các biện pháp quản lý để kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của các khoản chi phí nâng cao năng suất lao động để có hiệu quả kinh doanh cao nhất. Thực hiện được đầy đủ quyền và nghĩa vụ của nhà nước, nâng cao đời sống cho cán bộ công nhân viên về vật chất và tinh thần.

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đóng vai trò quan trọng trong quá trình phản ánh và giám đốc tình hình sản xuất kinh doanh, giúp cho các nhà quản lý thấy được hiệu quả sản xuất kinh doanh trong kỳ (biểu hiện thông

qua chỉ tiêu lãi hay lỗ) từ đó có những biện pháp hoạch định cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong thời gian tiếp theo nhằm đạt hiệu quả cao hơn.

1.2.2 Yêu cầu, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD có yêu cầu và nhiệm vụ:

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình hiện có và sự biến động của từng loại thành phẩm, hàng hóa theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại và giá trị.

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời và chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp. Đồng thời theo dõi và đơn đốc các khoản phải thu của khách hàng.

- Tham mưu các giải pháp thúc đẩy bán hàng, tăng vòng quay của vốn.

- Cung cấp các thông tin cần thiết về tình hình bán hàng cho chủ doanh nghiệp kịp thời có số liệu, tình hình chỉ đạo hoạt động mua - bán kinh doanh của doanh nghiệp.

- Cung cấp các thông tin kế toán phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình bán hàng, xác định và phân phối kết quả.

- Phản ánh và tính toán chính xác kết quả của từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước để họ có căn cứ đánh giá sức mua, đánh giá tình hình tiêu dùng, đề xuất các chính sách ở tầm vĩ mô.

1.3 Kế toán chi tiết doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.3.1 Kế toán doanh thu

1.3.1.1 Doanh thu bán hàng

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu. Doanh thu chỉ bao gồm tổng giá trị của các lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được.

Trường hợp doanh nghiệp có doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế phát sinh

hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên Ngân Hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

Tài khoản sử dụng:

TK 511- *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

Tài khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ gồm 5 tiểu khoản:

TK 5111 - Doanh thu bán hàng hoá.

TK 5112 - Doanh thu bán các thành phẩm

TK 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ

TK 5114 - Doanh thu trợ cấp, trợ giá

TK 5117 - Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư.

Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ

TK 5112 - *Doanh thu nội bộ.*

Tài khoản Doanh thu nội bộ gồm 3 tiểu khoản:

TK 5121 - Doanh thu bán hàng hoá

TK 5122 - Doanh thu bán các thành phẩm.

TK 5123 - Doanh thu cung cấp dịch vụ

Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ

1.3.1.2 Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn 5 điều kiện sau:

+ Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua.

+ Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá.

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

+ DN đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

+ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Trường hợp doanh nghiệp vẫn còn chịu phần lớn rủi ro gắn liền với quyền sở hữu hàng hoá thì giao dịch không được coi là hoạt động bán hàng và doanh thu không được ghi nhận như:

+ Doanh nghiệp còn phải chịu trách nhiệm để đảm bảo tài sản được hoạt động bình thường, mà việc này không nằm trong điều khoản bảo hành thông thường.

+ Việc thanh toán tiền bán hàng còn chưa chắc chắn vì phụ thuộc vào người mua.

+ Hàng hoá được giao còn chờ lắp đặt và việc lắp đặt đó là một phần quan trọng của hợp đồng mà doanh nghiệp chưa hoàn thành.

+ Khi người mua có quyền huỷ bỏ việc mua hàng vì một lý do nào đó được nêu trong hợp đồng mua bán và doanh nghiệp chưa chắc chắn về khả năng hàng bán có bị trả lại hay không.

1.3.1.3 Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

- Cung cấp dịch vụ nghĩa là thực hiện những công việc đã thoả thuận trong hợp đồng.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy.

- Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn 4 điều kiện sau:

- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dvụ.
- + Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập B01.
- + Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

1.3.1.4 Nguyên tắc hạch toán doanh thu bán hàng

- Đối với sản phẩm chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng là giá bán chưa có thuế. Đối với sản phẩm không chịu thuế GTGT hoặc chịu thuế theo phương pháp trực tiếp, doanh thu bán hàng là tổng giá thanh toán. Đối với sản phẩm chịu thuế TTĐB hoặc thuế XK, doanh thu là tổng giá thanh toán (bao gồm cả thuế TTĐB hoặc thuế XK).

- Doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hoá thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

- Hàng gửi đại lý theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

- Những sản phẩm, hàng hoá được xác định là tiêu thụ nhưng vì lý do về chất lượng, về quy cách kỹ thuật... người mua từ chối thanh toán, gửi trả lại người bán hoặc yêu cầu giảm giá và được doanh nghiệp chấp thuận, hoặc người mua mua hàng với khối lượng lớn được chiết khấu thương mại thì các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng này được theo dõi riêng biệt trên các TK 531- Hàng bán bị trả lại, TK 532- Giảm giá hàng bán, TK 521- Chiết khấu thương mại.

- Trường hợp trong kỳ doanh nghiệp đã viết hoá đơn bán hàng và đã thu được tiền hàng nhưng đến cuối kỳ vẫn chưa giao hàng cho người mua hàng thì trị giá số hàng này không được coi là tiêu thụ và không được ghi vào TK 511- doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ mà chỉ hạch toán vào bên Có TK 131 - Phải thu khách hàng về khoản tiền đã thu của khách hàng. Khi thực giao hàng cho người mua sẽ hạch toán vào TK 511 về trị giá hàng đã giao, đã thu trước tiền bán hàng, phù hợp với các điều kiện ghi nhận doanh thu.

- Bán hàng trả chậm ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá trả ngay, ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả ngay và ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính phần lãi tính trên khoản trả nhưng phù hợp với thời điểm ghi nhận vào thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

- Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ của năm tài chính là số tiền cho thuê được xác định trên cơ sở lấy toàn bộ tổng số tiền thu được chia số năm thuê tài sản.

- Đối với doanh nghiệp thương mại cung cấp sản phẩm, hàng hoá dịch vụ theo yêu cầu Nhà nước, được Nhà nước trợ cấp, trợ giá theo quy định thì doanh thu trợ cấp, trợ giá là số tiền nhà nước chính thức thông báo hoặc thực tế trợ cấp, trợ

giá. Doanh thu trợ cấp trợ giá được theo dõi phản ánh trên tài khoản 5114 - Doanh thu trợ cấp trợ giá.

1.3.1.5 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu như: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, thuế GTGT nộp theo phương pháp trực tiếp, thuế TTĐB, thuế XK được tính vào doanh thu ghi nhận ban đầu, để xác định doanh thu thuần, làm cơ sở tính kết quả kinh doanh trong kỳ kế toán.

- *Chiết khấu thương mại gồm:*

+ Bớt giá: là khoản giảm trừ trên giá bán thông thường dành cho người mua do họ mua hàng một lần với số lượng lớn.

+ Hồi khấu: Là số tiền thưởng dành cho người mua do họ mua hàng trong một khoảng thời gian nhất định với số lượng được hưởng chiết khấu.

Tài khoản sử dụng: TK 521 - Chiết khấu thương mại

Tài khoản 521 không có số dư đầu và cuối kỳ

- *Giảm giá hàng bán:* Là số tiền giảm trừ cho người mua trên giá bán đã thoả thuận do các nguyên nhân đặc biệt thuộc về người bán như hàng kém phẩm chất, hàng không đúng quy cách, hàng xấu, hàng giao không đúng hẹn...

Tài khoản sử dụng: TK 532 - Giảm giá hàng bán

Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ

- *Hàng bán bị trả lại:* Là số hàng đã được coi là tiêu thụ nhưng bị người mua trả lại và từ chối do các nguyên nhân thuộc về người bán.

Tài khoản sử dụng: TK 531 - Hàng bán bị trả lại

Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ

- Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp: là số thuế gián thu tính trên khoản giá trị tăng thêm của hàng hoá dịch vụ phát sinh trong quá trình sản xuất, lưu thông đến người tiêu dùng và người tiêu dùng là người chịu thuế.

Theo phương pháp trực tiếp :

$$\text{Thuế GTGT phải nộp} = \text{GTGT hàng hoá dịch vụ bán ra} \times \text{Thuế suất thuế GTGT của hàng hoá dịch vụ chịu thuế}$$

- Thuế TTĐB là loại thuế gián thu tính trên khoản thu của một số mặt hàng Nhà nước quy định nhằm thực hiện sự điều chỉnh của nhà nước đối với người tiêu dùng.
- Thuế XK là thuế tính trên doanh thu của các sản phẩm bán ra ngoài lãnh thổ Việt Nam.

1.3.2 Kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hoá (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hoá đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Để tính giá vốn từng mặt hàng xuất kho, doanh nghiệp sử dụng một trong các phương pháp sau:

❖ Phương pháp Nhập trước - Xuất trước (FIFO)

Theo phương pháp này dựa trên giả định hàng nào nhập trước sẽ được xuất trước và lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo đơn giá của những lần nhập sau cùng. Phương pháp này thích hợp trong trường hợp giá cả ổn định hoặc có xu hướng giảm.

❖ Phương pháp Nhập sau- Xuất trước (LIFO)

Phương pháp này dựa trên giả định là hàng nào nhập sau được xuất trước, lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo đơn giá của những lần nhập đầu tiên. Phương pháp nhập sau - xuất trước thích hợp trong trường hợp lạm phát.

❖ Phương pháp bình quân gia quyền

Trị giá vốn thực tế của vật tư xuất kho được tính căn cứ vào số lượng vật xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền, theo công thức:

$$\text{Đơn giá bình quân của hàng hoá xuất kho trong kỳ} = \frac{\begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế hàng} \\ \text{tồn đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế hàng} \\ \text{hoá nhập trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Số lượng hàng hoá} \\ \text{tồn đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Số lượng hàng hoá} \\ \text{nhập trong kỳ} \end{array}}$$

$$\text{Trị giá thực tế của hàng xuất trong kỳ} = \frac{\text{tồn đầu kỳ}}{\text{Số lượng hàng xuất trong kỳ}} \times \frac{\text{nhập trong kỳ}}{\text{Đơn giá thực tế bình quân}}$$

Phương pháp giá đơn vị bình quân cả kỳ dự trữ tuy đơn giản, dễ làm nhưng độ chính xác không cao. Hơn nữa, công việc tính toán đơn giản dồn vào cuối tháng, gây ảnh hưởng đến công tác quyết toán nói chung.

Giá thực tế hàng hoá tồn kho sau mỗi lần nhập

Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập =

Lượng thực tế hàng hoá tồn sau mỗi lần nhập

Phương pháp giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập lại khắc phục được nhược điểm của phương pháp trên, vừa chính xác, vừa cập nhật. Nhược điểm của phương pháp này là tốn nhiều công sức, tính toán nhiều lần.

❖ *Phương pháp tính theo giá đích danh:*

Theo phương pháp này khi xuất kho vật tư thì căn cứ vào số lượng xuất kho thuộc lô nào và đơn giá thực tế của lô đó để tính trị giá vốn thực tế của vật tư xuất kho.

Giá vốn hàng bán là một nhân tố cấu thành trong kết quả sản xuất kinh doanh, nên để xác định kết quả kinh doanh đúng đắn thì kế toán cần phải xác định đúng trị giá vốn hàng xuất bán. Để xác định giá vốn hàng bán trong kỳ, doanh nghiệp lựa chọn sử dụng phương pháp tính giá vốn hàng hoá xuất trong kỳ phù hợp với đặc điểm kinh doanh, hàng hoá luân chuyển, điều kiện công tác kế toán. Song phải sử dụng nhất quán trong một kỳ kinh doanh, không được thay đổi cách tính một cách tùy tiện.

Tài khoản sử dụng: TK 632 - Giá vốn hàng bán.

Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ

1.3.3 Kế toán chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng là toàn bộ các chi phí có liên quan đến việc tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá của doanh nghiệp, bao gồm: Chi phí bảo quản, đóng gói, vận

chuyên; chi phí chào hàng, giới thiệu, quảng cáo; chi phí hoa hồng đại lý, chi phí bảo hành sản phẩm; chi phí nhân viên bán hàng; chi phí dụng cụ, đồ dùng, khấu hao TSCĐ phục vụ bán hàng; chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

Tài khoản sử dụng TK 641- Chi phí bán hàng .

Tuỳ theo đặc điểm kinh doanh, yêu cầu quản lý từng ngành, từng doanh nghiệp, TK 641 có thể mở thêm một số nội dung chi phí.

TK 6411: Chi phí nhân viên.

TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì.

TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng.

TK 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ

TK 6415: Chi phí bảo hành.

TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài.

TK 6418: Chi phí bằng tiền khác

Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ

- Đối với doanh nghiệp sản xuất, trường hợp có chu kỳ sản xuất kinh doanh dài, trong kỳ không có sản phẩm tiêu thụ (hoặc sản phẩm tiêu thụ ít) thì cuối kỳ kết chuyển toàn bộ CPBH sang theo dõi ở chi phí chờ kết chuyển.

- Đối với doanh nghiệp thương mại, trường hợp có dự trữ hàng hoá biến động giữa các kỳ thì phải phân bổ chi phí bán hàng cho hàng tồn kho cuối kỳ, tức là chuyển một phần chi phí bán hàng thành chi phí chờ kết chuyển, phần chi phí bán hàng còn lại phân bổ cho hàng đã bán được trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.

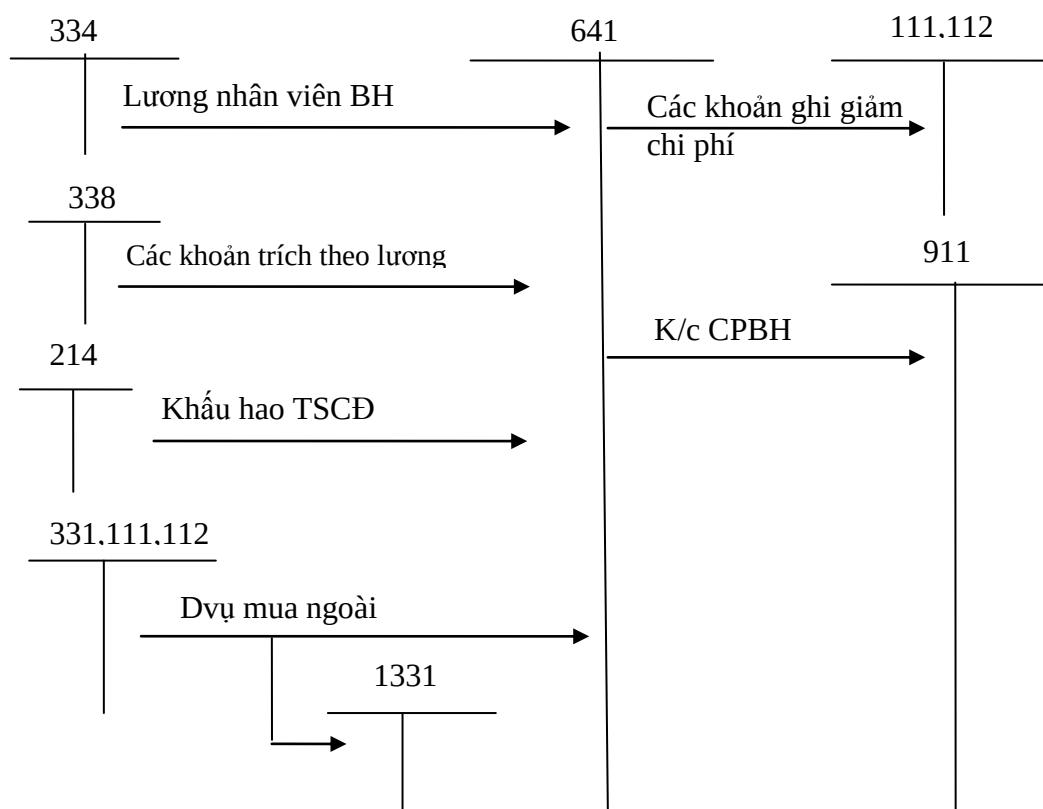
CPBH, CPQLDN phân bổ cho hàng còn trong kỳ:

$$\text{CPBH phân bổ cho hàng còn lại} = \text{CPBH cần phân bổ còn đầu kỳ} + \text{CPBH cần phân bổ phát sinh trong kỳ}$$

CPBH, CPQLDN cần phân bổ cho hàng đã bán:

$$\text{CPBH cần phân bổ cho hàng đã bán} = \text{CPBH phân bổ cho hàng còn lại} + \text{CPBH phát sinh trong kỳ} - \text{CPBH phân bổ cho hàng còn lại}$$

Sơ đồ 1.3.4: Hạch toán Kế toán chi phí bán hàng



1.3.4 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

CPQLDN là những chi phí cho việc quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và phục vụ chung khác liên quan đến hoạt động của cả doanh nghiệp.

Để phản ánh CPQLDN, kế toán sử dụng TK 642- Chi phí QLDN

TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý.

TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý.

TK 6423: Chi phí đồ dùng VP.

TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ.

TK 6425: Thuế, phí và lệ phí.

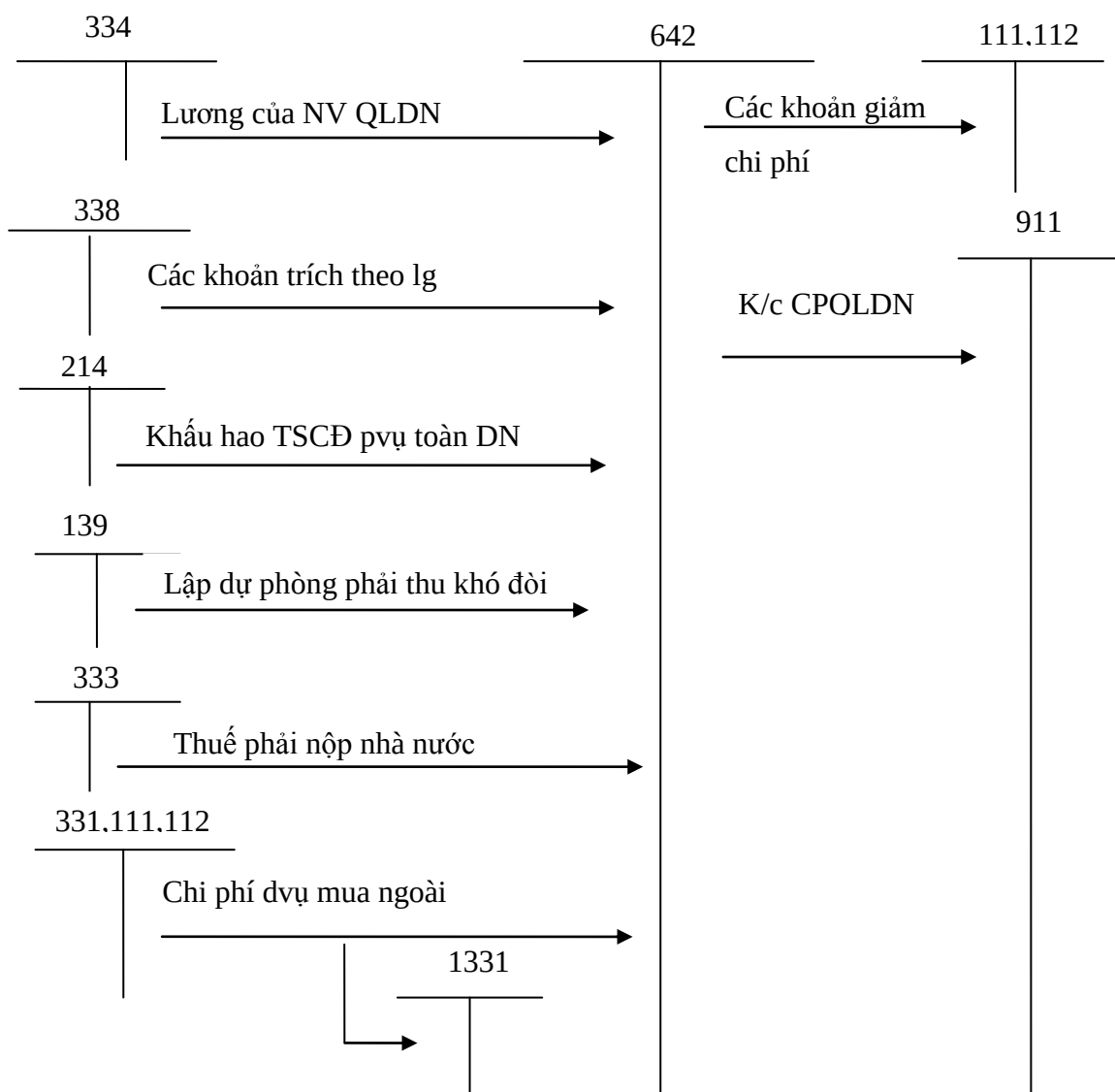
TK 6426: Chi phí dự phòng

TK 6427: Chi phí dvụ mua ngoài.

TK 6428: Chi phí bằng tiền khác

Trường hợp doanh nghiệp sản xuất có chu kỳ sản xuất dài trong kỳ không có (hoặc có ít sản phẩm tiêu thụ) hoặc doanh nghiệp thương mại có dự trữ hàng hoá giữa các kỳ có biến động lớn, chi phí quản lý doanh nghiệp cũng cần phải phân bổ cho hàng hoá còn lại chưa tiêu thụ cuối kỳ. Công thức phân bổ giống như chi phí bán hàng ở mục trên

Sơ đồ 1.3.5: Hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp



1.3.5 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

- Hoạt động tài chính là những hoạt động có liên quan đến việc huy động, quản lý và sử dụng vốn kinh doanh của doanh nghiệp.

- Hoạt động tài chính trong doanh nghiệp rất đa dạng, phong phú, trong đó chủ yếu là các hoạt động tham gia liên doanh, đầu tư chứng khoán, cho thuê tài sản, kinh doanh bất động sản....

- Doanh thu hoạt động tài chính là toàn bộ các khoản thu nhập từ hoạt động tài chính được coi là thực hiện trong kỳ, không phân biệt các khoản thu nhập đó thực tế đã thu hay sẽ thu trong kỳ sau.

- Chi phí hoạt động tài chính là toàn bộ các khoản chi phí và khoản lỗ liên quan đến hoạt động tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, các kho ản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán...

Tài khoản sử dụng:

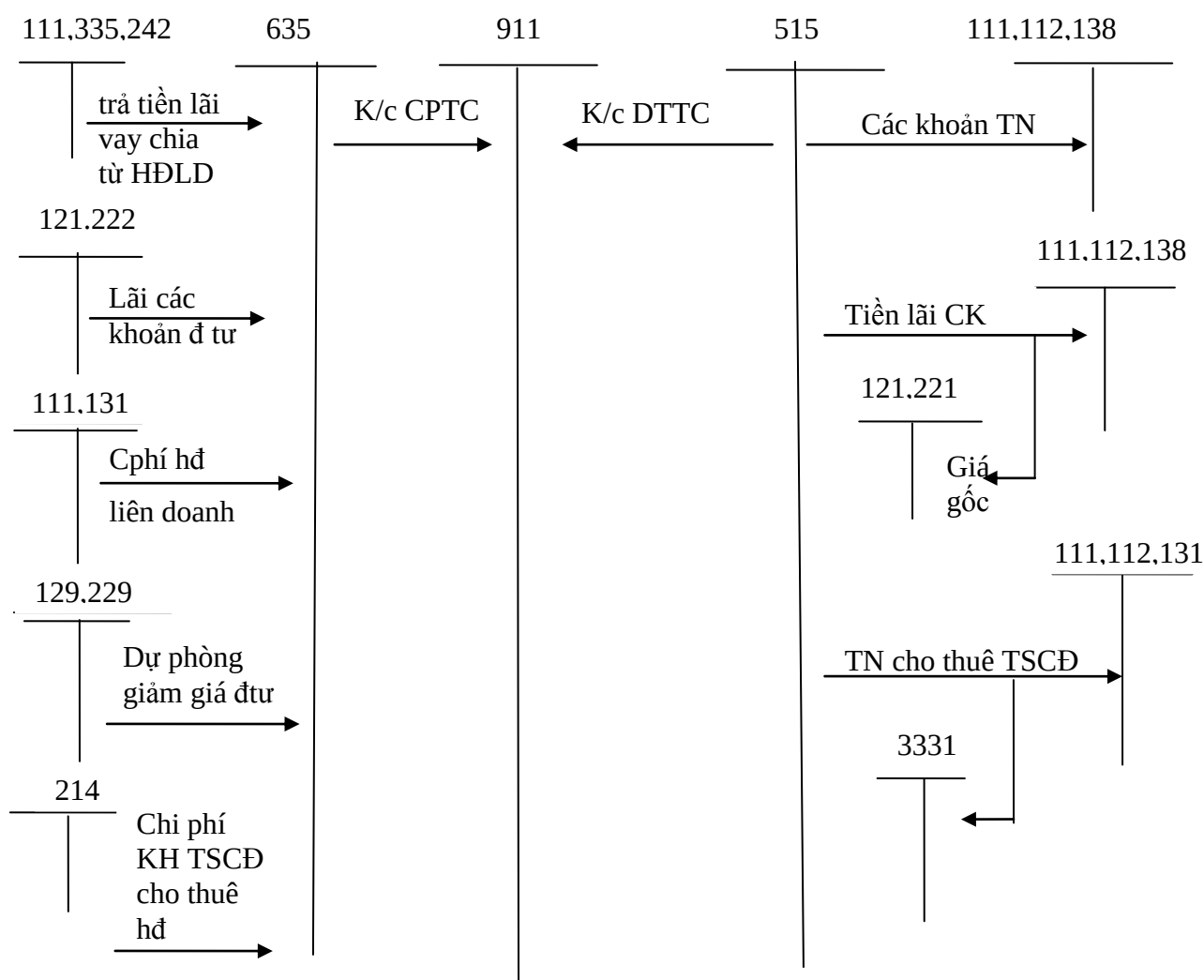
Tài khoản 515 “ Doanh thu hoạt động tài chính”

Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ

Tài khoản 635 “ Chi phí tài chính”

Tài khoản này không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ.

Sơ đồ 1.3.6: Hạch toán Doanh thu HĐTC, chi phí HĐTC



1.3.6 Kế toán hoạt động khác

- Hoạt động khác (hoạt động bất thường) là những hoạt động diễn ra không thường xuyên, ngoài dự kiến của doanh nghiệp

Hoạt động khác có thể là:

- + Thanh lý - nhượng bán tài sản cố định.
- + Hoạt động xử lý giải quyết các tranh chấp vi phạm hợp đồng kinh tế.
- + Về xử lý tài sản thừa, thiếu chưa rõ nguyên nhân,
- + Về các khoản nợ khó đòi.

- Thu nhập khác là những khoản thu mà doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc có dự tính đến nhưng ít có khả năng thực hiện, hoặc là những khoản không mang tính chất thường xuyên.

- Chi phí khác là các khoản chi phí của hoạt động khác ngoài hoạt động SXKD tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

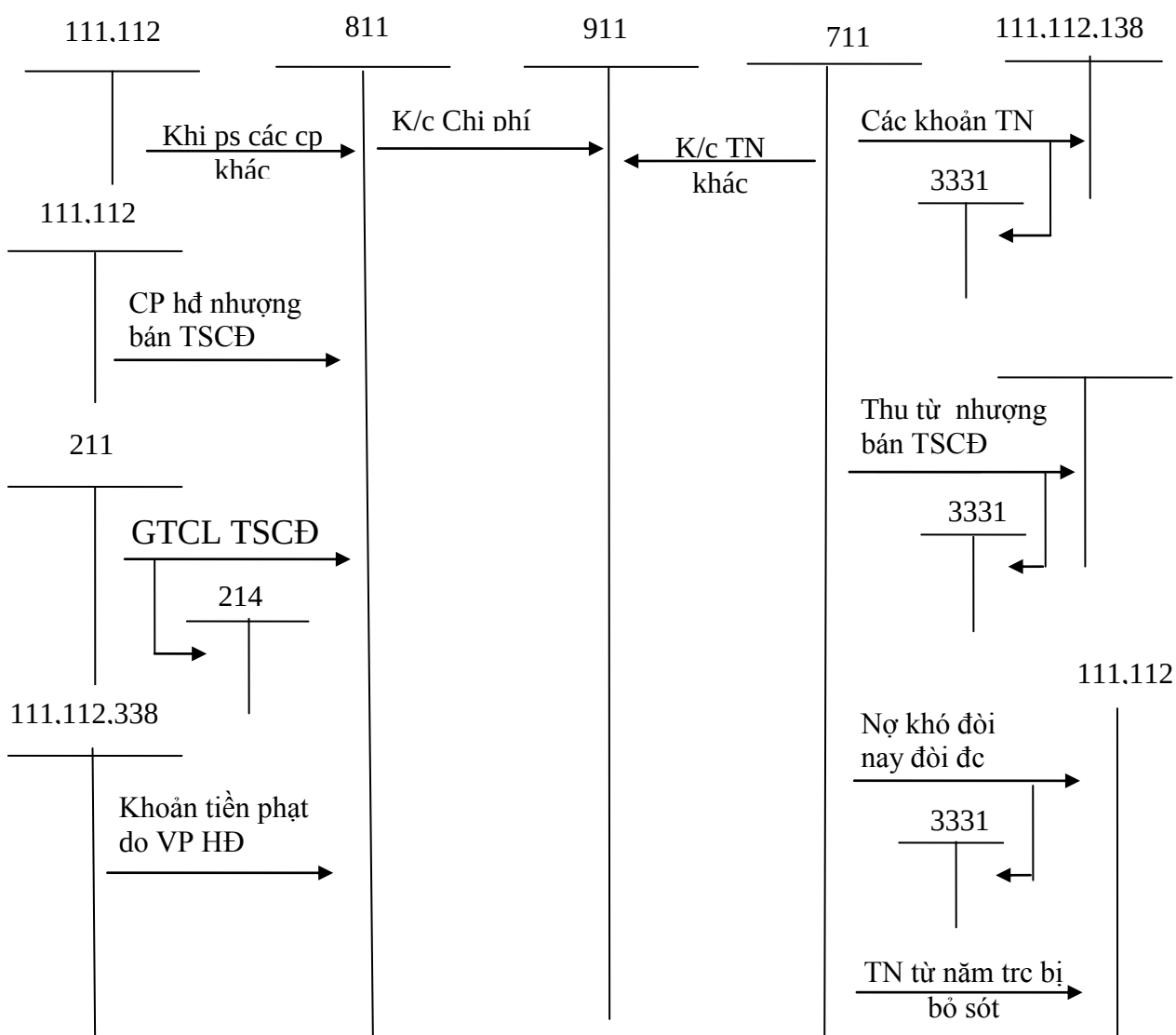
Tài khoản sử dụng:

TK 711 : Thu nhập khác

TK 811 : Chi phí khác

Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ.

Sơ đồ 1.3.7: Hạch toán Thu nhập khác, chi phí khác.



1.3.7 Xác định kết quả kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động tiêu thụ hàng hoá của doanh nghiệp sau một thời kỳ nhất định, biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh thông thường và kết quả hoạt động khác.

Kết quả hoạt động kinh doanh thông thường là kết quả từ những hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Đây là hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ và hoạt động tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thông thường được xác định theo công thức:

$$\begin{array}{ccccccc}
 \text{Lãi (lỗ)} & \text{DTT về bán} & \text{Giá} & \text{Doanh} & \text{Chi} & \text{CPBH,} \\
 \text{từ HĐ} & = \text{hàng và cung} & \text{vốn} & + \text{thu} & - \text{phí} & \text{CPQLDN tính} \\
 \text{sxkd} & \text{cấp dịch vụ} & \text{hàng} & + \text{HĐTC} & - \text{HĐTC} & \text{cho hàng tiêu} \\
 & & \text{bán} & & & \text{thụ trong kỳ}
 \end{array}$$

Trong đó: $DTT = \text{tổng doanh thu bán hàng} - \text{các khoản giảm trừ}$.

Kết quả hoạt động khác là các kết quả từ hoạt động bất thường khác tạo ra doanh thu của doanh nghiệp, được tính bằng chênh lệch giữa thu nhập khác (sau khi đã trừ đi các khoản thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp nếu có) và chi phí khác.

$$\text{Lãi (lỗ) hoạt động khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{chi phí khác}$$

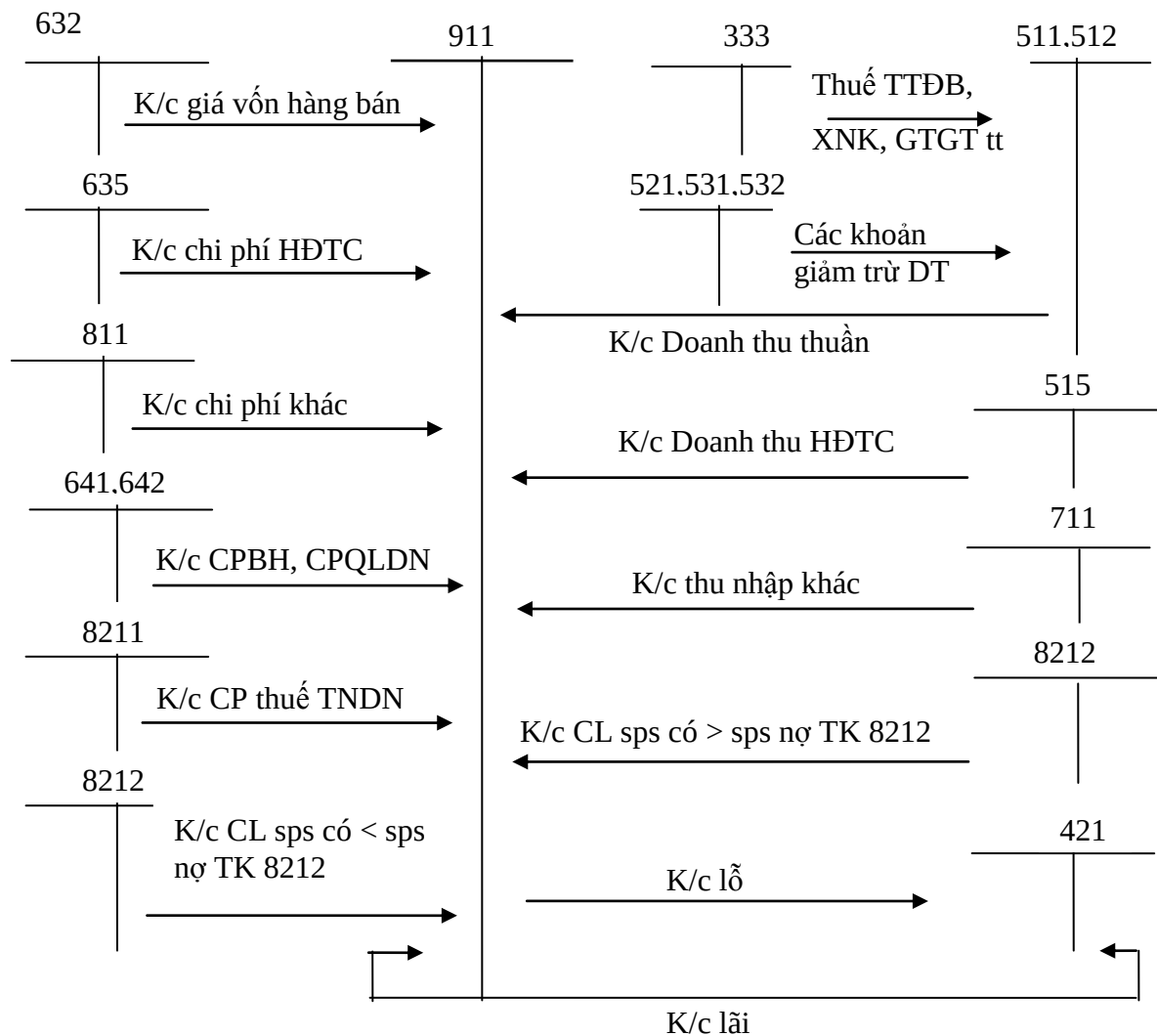
Kết quả hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ có thể lãi hoặc lỗ. Nếu lỗ sẽ được xử lý bù đắp theo chế độ quy định của chế độ tài chính.

Tài khoản sử dụng :

Tài Khoản 911- Xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ.

Sơ đồ 1.3.8: Kế toán xác định kết quả kinh doanh.



1.4 Chứng từ và các hình thức sổ kế toán

1.4.1 Chứng từ sử dụng

Chứng từ kế toán được sử dụng để kế toán doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng bao gồm:

- Hóa đơn GTGT (mẫu 01-GTKT)
- Hóa đơn bán hàng (mẫu 02 - GTTT)
- Bảng thanh toán hàng đại lí, kí gửi (mẫu 14-BH)
- Thẻ quầy hàng (mẫu 15-BH)
- Các chứng từ thanh toán (phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, ủy nhiệm thu, giấy báo có NH, ...)
- Tờ khai thuế GTGT (mẫu 07A/GTGT)
- Chứng từ kế toán liên quan khác như phiếu nhập kho hàng trả lại...

1.4.2 Hệ thống sổ kế toán

Tất cả các doanh nghiệp thuộc mọi loại hình, mọi lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh và mọi thành phần kinh tế căn cứ vào quy mô, khối lượng công việc kế toán, số lượng và trình độ chuyên môn của người làm công tác kế toán để lựa chọn một hình thức kế toán phù hợp cho doanh nghiệp mình trong 5 hình thức sổ kế toán sau:

1.4.2.1 Hình thức nhật ký chung

Đặc trưng cơ bản: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi chép vào sổ Nhật ký chung mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức Nhật ký chung bao gồm các loại sổ chủ yếu:

- Sổ Nhật ký chung, sổ Nhật ký đặc biệt
- Sổ cái
- Các sổ thẻ kế toán chi tiết

Đặc trưng cơ bản: Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký sổ cái. Căn cứ ghi vào nhật ký sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức này gồm các loại sổ :

- Nhật ký sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

1.4.2.3 Hình thức Nhật ký chứng từ

Đặc trưng cơ bản: Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ phát sinh theo bên có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng nợ

Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế.

Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép

Hình thức này gồm các sổ :

- Nhật ký chứng từ, bảng kê
- Sổ cái
- Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết

1.4.2.4 Hình thức Chứng từ ghi sổ

Đặc trưng cơ bản: Căn cứ trực tiếp để ghi kế toán tổng hợp là chứng từ ghi sổ. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm :

- + Ghi theo trình tự thời gian sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- + Ghi theo nội dung kinh tế trên sổ cái

Chứng từ ghi sổ được đánh số liên tục trong tháng hoặc cả năm (theo STT trong sổ đăng ký chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức này bao gồm các số sau:

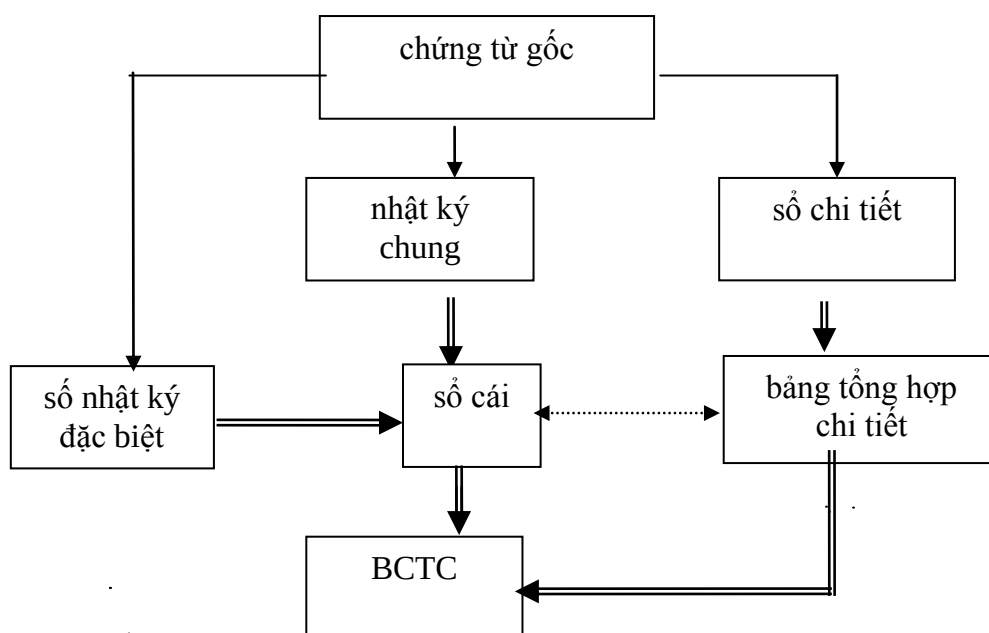
- Chứng từ ghi sổ
- Sổ cái
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ và thẻ kế toán chi tiết

1.4.2.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản: Hình thức trên máy vi tính là việc kế toán thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính.

Hình thức sổ kế toán trên máy vi tính: Hình thức nào sẽ có loại sổ kế toán của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán bằng tay.

Sau đây em xin trình bày khái quát sơ đồ hạch toán sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung.



Sơ đồ luân chuyển chứng từ theo hình thức : **Nhật ký chung** .

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ====> Kiểm tra đối chiếu

CHƯƠNG 2**THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG THANH PHÚC****2.1 Tổng quan về công ty Cổ phần cơ khí và vật liệu xây dựng Thanh Phúc****2.1.1 Khái quát lịch sử hình thành và phát triển của công ty**

Công ty cổ phần cơ khí và vật liệu xây dựng Thanh Phúc được thành lập và hoạt động theo luật doanh nghiệp Việt Nam từ năm 2006.

Tên đầy đủ: Công ty cổ phần cơ khí và vật liệu xây dựng Thanh Phúc.

Tên giao dịch tiếng nước ngoài:

Thanhphuc Mechannical construction and engineering joint stock company.

Tên viết tắt: TCP

Ngành nghề kinh doanh:

+ Chế tạo, kinh doanh máy móc, thiết bị.

+ Kinh doanh, sản xuất các loại gạch Block - Terrazzo

Địa chỉ: 160 Hoàng Quốc Việt, Kiến An, Hải Phòng.

Tel: (031)3876318 – 3876593

Fax: 0318378900

Email: thanhphuchp06@yahoo.com.vn

Website: www.thanhphuc.com.vn

Công ty cổ phần cơ khí và vật liệu xây dựng Thanh Phúc tiền thân là tổ hợp Duy Cảnh được thành lập vào tháng 10 năm 1988. Máy gạch Block, máy gạch Terrazzo, máy ngói xi măng màu và các sản phẩm gạch Block, gạch Terrazzo, ngói xi măng màu..là các mặt hàng chủ lực của công ty.

Đúc rút được nhiều kinh nghiệm từ sản xuất gạch Block, gạch Terrazzo, ngói xi măng màu; kết hợp với công nghệ sản xuất máy của Châu Âu, công ty cổ phần cơ khí và vật liệu xây dựng Thanh Phúc đã đưa ra thị trường các loại máy gạch Block, gạch Terrazzo, ngói xi măng màu có tính ưu việt và hiệu quả cao. Công ty Thanh phúc đã bán máy và chuyển giao công nghệ sản xuất cho hơn 300

doanh nghiệp của 43 tỉnh, thành phố trên toàn quốc từ các máy ép nhỏ bán tự động đến các dây chuyền đồng bộ tự động hoàn toàn, có công suất lớn.

Trải qua hơn 20 năm hoạt động và phát triển, Thanh Phúc đã khẳng định được thương hiệu của mình trên thương trường như một niềm tin, điểm đến của khách hàng khi mua máy và gạch Block – Terrazzo của công ty.

Hiện tại, công ty có 2 nhà máy:

- + Nhà máy gạch không nung : chuyên sản xuất gạch Block, gạch Terrazzo, ngói xi măng màu. Nhà máy đã đóng góp sản phẩm của mình trên khắp các tỉnh thành trong cả nước, đặc biệt là cảng Cái Lân, Quảng Ninh và cảng Hải Phòng.
- + Nhà máy cơ khí : chuyên chế tạo các loại dây chuyền sản xuất gạch Block – Terrazzo, men bóng, ngói xi măng màu...đứng hàng đầu Việt Nam.

Công ty luôn sẵn sàng hợp tác, liên doanh với các đơn vị kinh tế trong và ngoài nước nhằm hướng tới sự phát triển và đa dạng về sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, để phục vụ khách hàng ngày một tốt hơn.

2.1.2 Các giai đoạn phát triển của công ty

+ Giai đoạn từ năm 1988 đến năm 1992

Giai đoạn này, công ty chỉ là một tổ hợp, bao gồm 15 – 20 công nhân; sản xuất vật liệu xây dựng, gạch Block – Terrazzo với quy mô nhỏ trên địa bàn quận Kiến An.

+ Giai đoạn từ năm 1993 đến năm 2005

Trong những năm này, nền kinh tế Việt Nam có sự phát triển. Công ty nhận thấy cần phải mở quy mô sản xuất để đáp ứng nhu cầu của thị trường. Vì vậy, năm 1993 công ty TNHH Thanh Phúc được thành lập. Ngay từ khi thành lập, công ty đã đầu tư dây chuyền sản xuất gạch Block đầu tiên trên miền Bắc.

Để phục vụ nhu cầu khách hàng ngày một tốt hơn, năm 1995 công ty đã liên doanh với tập đoàn IDDSOL New Zealand chuyên sản xuất các sản phẩm bê tông đúc sẵn, trong đó có sản phẩm gạch Block, Terrazzo, ngói xi măng màu...Ngày 10 tháng 3 năm 1997, công ty Bê tông New Zealand – Việt Nam được thành lập, công ty Thanh Phúc góp vốn 1.100.000 USD.

Năm 1998, công ty đầu tư nhà máy cơ khí chuyên chế tạo các dây chuyền sản xuất gạch Block, Terrazzo, ngói xi măng màu các loại.

Năm 2001, công ty Thanh Phúc đã tự mình chế tạo được dây chuyền sản xuất gạch Block.

+ *Giai đoạn từ năm 2006 đến nay:*

Giai đoạn này, nền kinh tế Việt Nam có nhiều sự biến động. Để tồn tại và phát triển được, năm 2006 công ty TNHH Thanh Phúc được chuyển đổi thành công ty Cổ phần cơ khí và vật liệu xây dựng Thanh Phúc.

Sau khi thực hiện cổ phần hóa, công ty đã xây dựng phương án sản xuất cụ thể, tự chủ trong kinh doanh và luôn coi trọng chữ “tín” đối với khách hàng. Vì vậy, các sản phẩm của công ty luôn được đảm bảo chất lượng tốt và được thị trường chấp nhận.

****) Một số thành tựu công ty đạt được trong những năm gần đây:***

Những năm trước đây, công ty gặp không ít khó khăn về sản xuất và tình hình tài chính. Từ khi thực hiện cổ phần hóa (năm 2006), Hội đồng quản trị và ban giám đốc đã có nhiều đổi mới trong công tác chỉ đạo điều hành; tổ chức thực hiện tốt các chương trình công tác đề ra. Thường xuyên bám sát các chủ trương, chính sách của thành phố và diễn biến của thị trường, qua đó lựa chọn phương án sản xuất kinh doanh đúng hướng, phù hợp với điều kiện cụ thể của đơn vị và nhu cầu tiêu dùng của thị trường nên kết quả sản xuất kinh doanh của công ty đạt được kết quả khả quan:

Năm 2010, tổng doanh thu công ty đạt được gần 16 tỷ, tăng khoảng 20% so với cùng kỳ năm trước; lợi nhuận tăng khoảng 15%, thu nhập của người lao động tăng 12%. Đời sống của người lao động từng bước được cải thiện, mức lương bình quân từ 2.000.000 – 2.500.000 đồng/ người.

Không chỉ linh hoạt trong sản xuất kinh doanh, công ty luôn nhận thức đúng về nghĩa vụ với ngân sách nhà nước. Khi chính sách thuế có sự sửa đổi, bổ sung, công ty luôn kịp thời nắm bắt để triển khai thực hiện. Đồng thời, thường xuyên liên hệ với cơ quan thuế để được tư vấn và hướng dẫn về những vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

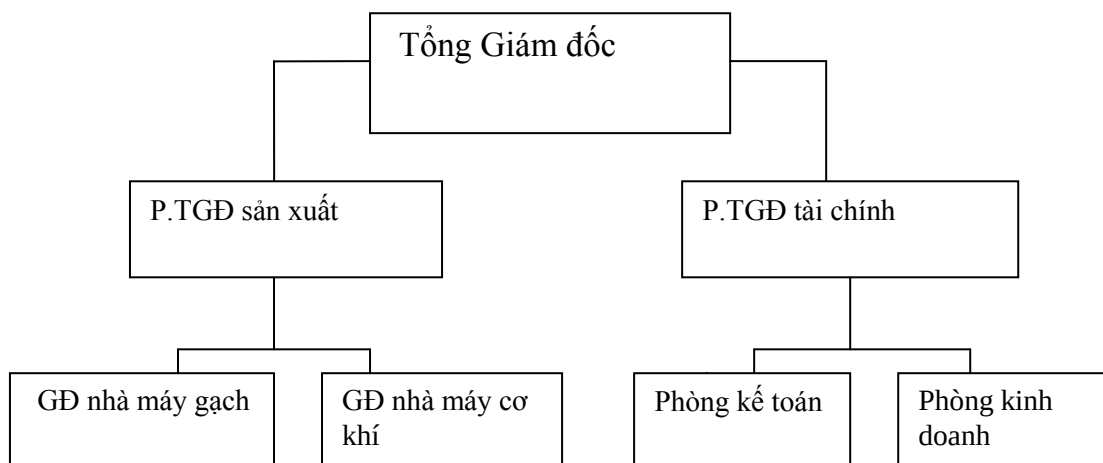
Số thuê và các khoản phải nộp vào ngân sách nhà nước hàng năm tăng đều. Năm 2009, công ty đã nộp cho ngân sách nhà nước hơn 400 triệu đồng. Năm 2010, số tiền nộp vào ngân sách nhà nước khoảng 500 triệu đồng.

Bên cạnh đó, công ty luôn nộp đủ BHXH, BHYT, trang bị bảo hộ lao động và tổ chức khám chữa bệnh định kỳ cho người lao động. Do đó, người lao động luôn gắn bó với công ty.

Với chiến lược và cách làm đúng, công ty Cổ phần cơ khí và vật liệu xây dựng Thanh Phúc đã và đang khẳng định được chỗ đứng trên thị trường, sản xuất kinh doanh ngày càng hiệu quả và đóng góp ngày càng tích cực vào quá trình xây dựng kết cấu hạ tầng của thành phố.

2.1.3 Cơ cấu bộ máy quản lý :

Sau đây là sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý công ty:



- Tổng giám đốc : Đứng đầu công ty ,người có quyền hành cao nhất chịu trách nhiệm trước các cơ quan chủ quản, trước nhà nước, trước toàn thể công nhân viên
- Phó tổng giám đốc sản xuất : trực tiếp quản lý các vấn đề về khâu kĩ thuật sản xuất, điều hành nhà máy sản xuất gạch và nhà máy cơ khí
- Phó tổng giám đốc tài chính : phụ trách các vấn đề của phòng kế toán và phòng kinh doanh,.....
- Giám đốc nhà máy gạch: quản lý các công việc liên quan đến sản xuất gạch bao gồm các phân xưởng : xưởng men, xưởng block, xưởng terrazzo, xưởng ngói màu, và đội cơ giới

- Giám đốc nhà máy cơ khí : quản lý việc sản xuất của nhà máy cơ khí bao gồm: xưởng cắt gọt, xưởng sắt hàn, xưởng cơ điện lắp ráp
- Phòng kế toán tài chính : là phòng nghiệp vụ các chức năng quản lý tài chính , giám sát mọi hoạt động kinh tế, tài chính trong công ty, tổ chức chỉ đạo và thực hiện toàn bộ công tác kế toán, thống kê thông tin kinh tế và hạch toán kinh tế. Kiểm soát kinh tế tại công ty thông qua công tác thống kê kế toán các hoạt động kinh tế của các đơn vị giúp việc sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả tốt nhất. Bao gồm : kế toán thanh toán, kế toán tổng hợp, kế toán kho
- Phòng kinh doanh : là phòng nghiệp vụ tham mưu cho tổng giám đốc và chịu sự điều hành trực tiếp của phó tổng giám đốc kinh doanh về công tác kinh doanh tiêu thụ sản phẩm, chịu trách nhiệm về công tác đầu vào và đầu ra của sản phẩm. Bao gồm : marketing, phòng tiêu thụ sản phẩm, hệ thống đại lý

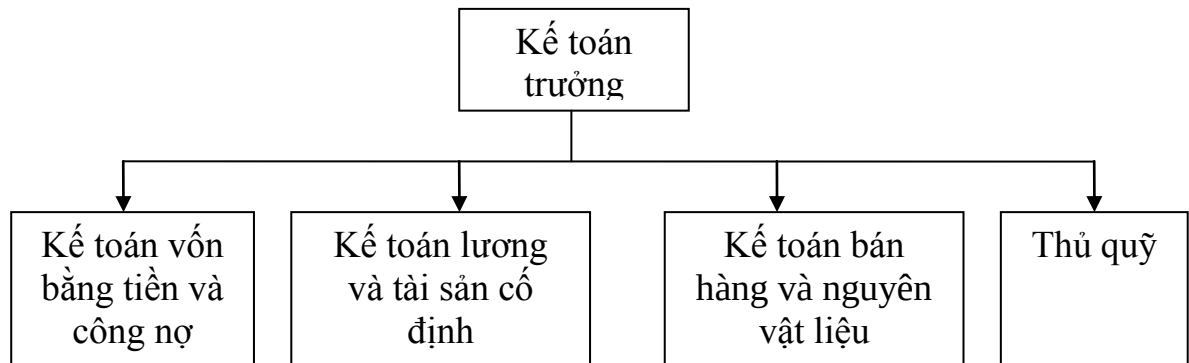
2.1.4 Đặc điểm bộ máy kế toán và hình thức kế toán áp dụng tại công ty Cổ phần cơ khí và VLXD Thanh Phúc

Do đặc điểm tổ chức hoạt động kinh doanh và những cơ sở, điều kiện tổ chức công tác kế toán mà công ty Cổ phần cơ khí và vật liệu xây dựng Thanh Phúc tổ chức bộ máy công tác kế toán theo hình thức tập trung và áp dụng phương thức kê khai thường xuyên.

Với hình thức này toàn bộ công việc kế toán trong công ty đều được tiến hành và xử lý tại phòng kế toán của công ty. Từ thu thập và kiểm tra chứng từ, ghi sổ kế toán, lập báo cáo tài chính, các bộ phận trong doanh nghiệp, các phòng ban chỉ lập chứng từ phát sinh gửi về phòng kế toán của công ty. Do đó đảm bảo sự lãnh đạo tập trung thống nhất đối với công tác chuyên môn, kiểm tra, xử lý các thông tin kế toán được kịp thời, chặt chẽ thuận tiện cho việc phân công lao động, chuyên môn hóa, nâng cao năng suất lao động.

Ở công ty Cổ phần cơ khí và vật liệu xây dựng Thanh phúc ngoài kế toán trưởng còn có 4 nhân viên kế toán (có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên). Do vậy mọi người đều đảm nhiệm khối lượng công việc nặng nề, đòi hỏi phải có sự cố gắng và tinh thần trách nhiệm cao.

Sơ đồ 2.1.4.1 : Mô hình tổ chức bộ máy kế toán tại công ty Cổ phần cơ khí và VLXD Thanh Phúc.



+ **Kế toán trưởng** : Là người tổ chức và chỉ đạo toàn diện công tác kế toán của công ty. Chịu trách nhiệm trước giám đốc công ty và các công việc thuộc phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của kế toán trưởng.

Nhiệm vụ của kế toán trưởng:

Phân công lao động kế toán hợp lý, hướng dẫn toàn bộ công việc kế toán trong phòng kế toán, đảm bảo cho từng bộ phận kế toán, từng nhân viên kế toán phát huy được khả năng chuyên môn tạo sự kết hợp chặt chẽ giữa các bộ phận kế toán có liên quan, góp phần thực hiện tốt chức năng và nhiệm vụ của kế toán cung cấp thông tin chính xác, kịp thời để phục vụ cho việc chỉ đạo sản xuất kinh doanh của công ty.

Tổ chức bảo quản giữ tài liệu chứng từ, giữ bí mật các số liệu thuộc quy định của Nhà nước.

Ngoài ra kế toán trưởng còn có nhiệm vụ tham mưu cho giám đốc về tình hình tài chính, lợi nhuận...của công ty.

+ **Kế toán vốn bằng tiền và công nợ**: kiểm duyệt chứng từ tài liệu, viết phiếu thu, chi phát sinh trong việc thanh toán trong công ty và các đơn vị phụ thuộc

+ **Kế toán lương và tài sản cố định**: theo dõi tính lương và khấu hao tài sản cố định

+ **Kế toán bán hàng và nguyên vật liệu**: theo dõi khâu nguyên vật liệu đầu vào và khâu bán hàng doanh thu.

+ **Thủ quỹ**: thủ quỹ có nhiệm vụ chủ yếu của thủ quỹ là bảo quản tiền mặt, thu tiền và thanh toán chi trả cho các đối tượng theo chứng từ được duyệt; hàng tháng vào sổ quỹ, lập các báo cáo quỹ, kiểm kê số tiền thực tế trong kết phải khớp với số dư trên báo cáo quỹ.

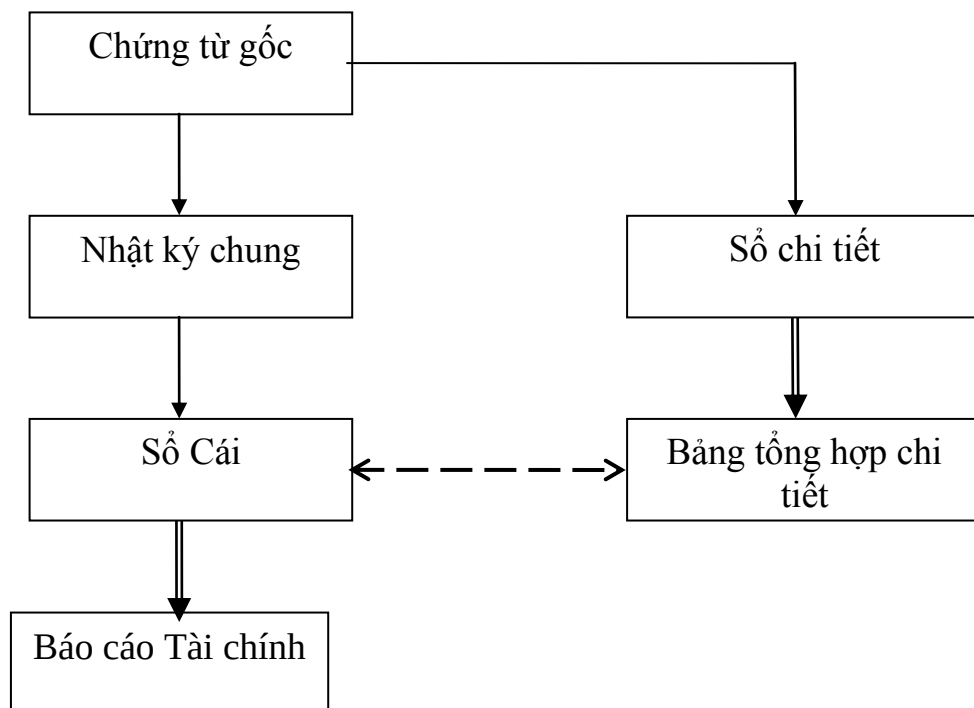
Hình thức kế toán áp dụng tại công ty là hình thức Nhật ký chung; nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ.

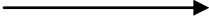
Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/QĐ – BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Niên độ kế toán bắt đầu từ 01/01 đến 31/12 năm báo cáo.

Đơn vị tiền tệ áp dụng chung là đồng Việt Nam(VNĐ)

Sơ đồ 2.1.4.2: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung tại công ty Cổ phần cơ khí và vật liệu xây dựng Thanh Phúc.



 Ghi chú:
Ghi hàng ngày: Ghi định kỳ: Quan hệ đối chiếu: 

Quy trình sơ đồ luân chuyển chứng từ được diễn ra như sau: Hàng ngày, phát sinh bất kỳ một nghiệp vụ nào thì kế toán chịu trách nhiệm về phần đó sẽ căn cứ vào chứng từ gốc để tổng hợp vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi ở sổ nhật ký chung để vào sổ cái. Đồng thời, từ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh kế toán ghi vào sổ chi tiết, sau đó từ sổ chi tiết kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết. Cuối quý, từ các số liệu trên sổ cái kế toán lập bảng cân đối số phát sinh (sau khi đã đối chiếu số liệu giữa sổ cái và bảng tổng hợp). Từ đó, lập báo cáo tài chính.

2.2 Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần cơ khí và VLXD Thanh Phúc

2.2.1 Tổ chức kế toán doanh thu bán hàng

2.2.1.1 Đặc điểm công tác tiêu thụ hàng tại doanh nghiệp

Tiêu thụ là giai đoạn tiếp theo của quá trình sản xuất, là cầu nối giữa sản xuất và phân phối hàng hoá

Sản phẩm chính của doanh nghiệp là các loại gạch block, gạch terrazzo, và đây chuyên công nghệ sản xuất các loại gạch trên...

*) Phương thức bán hàng :

- *Bán buôn* : Là hình thức bán chủ yếu của công ty, nó chiếm tỷ trọng lớn trong khối lượng hàng hoá tiêu thụ. Những đối tượng bán buôn thường là các doanh nghiệp tư nhân có nhu cầu kinh doanh các sản phẩm về vật tư nông nghiệp chủ yếu ở thị trường Hải Phòng, Thái Bình, Vĩnh Phúc.

- *Bán lẻ* : Là phương thức giúp doanh nghiệp tiêu thụ hàng nhanh hơn. Phương thức này chiếm tỷ trọng không lớn trong khối lượng hàng hoá bán ra. Khách hàng chủ yếu là những cá nhân, tổ chức có nhu cầu mua để kinh doanh. Bán lẻ thường với số lượng ít và người mua thường phải thanh toán ngay toàn bộ giá trị hàng hoá vừa mua

*) Phương thức thanh toán :

Để đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm, đồng thời cũng để phù hợp với khả năng thanh toán của mọi khách hàng, công ty đa dạng hoá các phương thức thanh toán để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho khách hàng. Các phương thức thanh toán chủ yếu là:

- Bán hàng thu ngay bằng tiền ngay: áp dụng với hầu hết mọi khách hàng để đảm bảo thu hồi vốn nhanh, tránh tình trạng bị chiếm dụng vốn. Tiền thu được có thể là tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

- Phương thức bán chịu : Áp dụng với khách hàng có quan hệ thường xuyên, có độ tin cậy với công ty, mua hàng với số lượng lớn. Khách hàng nhận được hàng chưa trả tiền hoặc trả một phần tiền hàng và ghi nợ với công ty.

2.2.1.2 Thực trạng hạch toán doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng hóa tại công ty Cổ phần cơ khí và VLXD Thanh Phúc là tổng giá trị thực hiện do bán các loại gạch block, gạch terrezzo, dây chuyền sản xuất gạch block, dây chuyền sản xuất gạch terrazzo,...

- Chứng từ kế toán sử dụng:
 - + Hoá đơn giá trị gia tăng
 - + Phiếu xuất kho
 - + Hợp đồng mua bán hàng hoá,..
- Tài khoản sử dụng:
 - +TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
 - + TK 156: Hàng hoá
 - + TK 632: Giá vốn hàng bán
 - + TK 3331: Thuế GTGT đầu ra
 - + TK 911: Xác định kết quả kinh doanh
 - + Các tài khoản liên quan khác.
- Sổ sách kế toán sử dụng:
 - + Chứng từ ghi sổ
 - + Sổ chi tiết TK 511
 - + Sổ cái TK 111,112,131,156,3331,511,632,911,...
 - + Bảng kê hàng hoá, dịch vụ bán ra

+ Sổ chi tiết bán hàng

- Quy trình luân chuyển chứng từ:

Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu tại công ty như sau:

Khi nhận được đơn đặt hàng, yêu cầu đặt hàng của khách hàng kế toán tiêu thụ viết phiếu xuất kho hàng hoá. Phiếu xuất kho sau khi viết xong chuyển cho thủ kho để xuất hàng hoá cho khách hàng. Khi xuất kho, thủ kho phải kiểm tra xem số lượng, chủng loại hàng hoá có đúng với quy định ghi trong phiếu xuất kho hay không. Sau đó, kế toán tiêu thụ lập hoá đơn GTGT về bán hàng hoá.

Hoá đơn GTGT được lập thành 3 liên:

+ Liên 1: màu tím, lưu gốc

+ Liên 2: màu đỏ, giao cho khách hàng

+ Liên 3: màu xanh, dùng để ghi sổ

Trên hoá đơn GTGT phải đủ các thông tin sau:

+ Ngày, tháng, năm phát sinh nghiệp vụ bán hàng

+ Tên đơn vị bán hàng, địa chỉ, số điện thoại, số fax (nếu có), mã số thuế

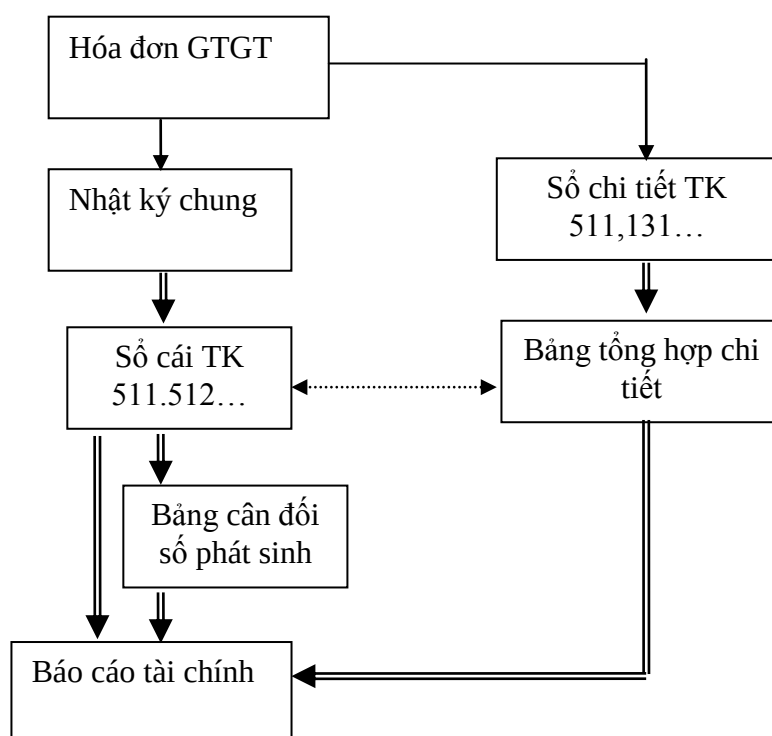
+ Họ và tên người mua hàng, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế

+ Hình thức thanh toán

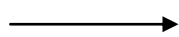
+ Tên hàng hoá, số lượng, đơn giá, thành tiền, chiết khấu, số thuế GTGT, tổng số tiền thanh toán

Kế toán căn cứ vào hoá đơn GTGT, phiếu xuất kho để làm căn cứ ghi sổ kế toán, các chứng từ kế toán.

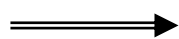
2.2.1.3 Quy trình luân chuyển chứng từ theo hình thức Nhật ký chung :



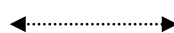
Ghi chú:



Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng hoặc định kỳ



Kiểm tra đối chiếu

Quy trình luân chuyển chứng từ được diễn ra như sau: Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ như hóa đơn mua hàng, hóa đơn bán hàng để ghi vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi ở sổ Nhật ký chung để ghi vào các sổ cái TK 511, TK 641, TK 642,....

Cuối quý, từ các số liệu trên sổ cái kế toán lập bảng cân đối số phát sinh. Từ đó, lập báo cáo tài chính.

Ví dụ minh họa :

Ví dụ 1: Ngày 8/12/2010, công ty Thanh Phúc bán 2.206 viên gạch Terrazzo 40 với giá 15.500 đồng/viên cho công ty đầu tư xây dựng Hiệp Phát, thuế suất thuế GTGT 10%, người mua trả tiền mặt.(giá vốn là 14.251 đồng/viên)

+ Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0068009 (biểu số 2.2.1) và phiếu xuất kho số 168 (biểu số 2.2.2.), phiếu thu số T16 (Biểu số 2.2.4) kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.2.3)

+ Từ số liệu ghi ở sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 511(biểu số 2.2.5) và sổ chi tiết TK511 (Biểu số 2.2.6).

Biểu số 2.2.1

Hóa đơn		Mẫu số 01GTKT – 3LL			
Giá trị gia tăng		KX/2010B			
Liên 1: Lưu		0068009			
<i>Ngày 8 tháng 12 năm 2010</i>					
Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần cơ khí và VLXD Thanh Phúc					
Địa chỉ: 160 Hoàng Quốc Việt, Kiến An, Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Điện thoại: 0313 8376318		MS: 02 0065631 0			
Họ và tên người mua hàng: Nguyễn Văn Chung Tên đơn vị: Công ty đầu tư xây dựng Hiệp Phát Địa chỉ: Số 17/78 Trần Nguyên Hãn, Lê Chân, Hải Phòng Số tài khoản: Hình thức thanh toán:..... MS: 02 0091026 0					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Gạch Terrazzo 40	viên	2.206	15.500	34.193.000
2					
3					
Cộng tiền hàng:					34.193.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:		3.419.300	
Tổng cộng tiền thanh toán:					37.612.300
Số tiền viết bằng chữ: Ba bảy triệu sáu trăm mười hai nghìn ba trăm đồng.					

Nguồn dữ liệu: Trích nguồn dữ liệu phòng kế toán.

Biểu số 2.2.2

Công ty Cổ phần cơ khí và VLXD
Thanh Phúc
160 Hoàng Quốc Việt, Kiến An, HP

Mẫu số 02 – VT
Theo Q Đ 15/2006/Q Đ – BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng
BTC

PHIẾU XUẤT KHO

Số: 168

Ngày 8 tháng 12 năm 2010

Nợ:.....

Có:.....

Họ tên người nhận hàng: Nguyễn Văn Chung

Địa chỉ: Công ty đầu tư xây dựng Hiệp Phát

Lý do xuất: Bán gạch Terrazzo

Xuất tại kho: kho công ty

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư, hàng hóa	Mã Số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Gạch Terrazzo 40		viên		2.206	14.251	31.437.706
2							
3							
	Cộng						31.437.706

Cộng thành tiền(viết bằng chữ): Ba mươi một triệu bốn trăm ba bảy nghìn bảy trăm linh sáu đồng.

Người lập phiếu
(đã ký)

Người kiểm tra
(đã ký)

Người nhận hàng
(đã ký)

Biểu số 2.2.3

Công ty Cổ phần cơ khí và VLXD Thanh Phúc
160 Hoàng Quốc Việt, Kiến An, HP

Mẫu số 02b – DN
QĐ số 15/2006/QĐ – BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		Phát sinh trong kỳ			
....					
HĐ 0068009	8/12	Bán gạch terazo cho công ty hiệp Phát	111 511 3331	37.612.300	34.193.000 3.419.300
PX168	8/12	Giá vốn gạch Terazo	632 155	31.437.706	31.437.706
PC115	9/12	Thanh toán tiền v/c gạch Block đi gửi bán	641 111	8.500.000	8.500.000
PC118	10/12	Chi tiếp khách	642 111	5.000.000	5.000.000
....					
		Cộng phát sinh		132.665.823.949	132.665.823.949

Ngày.....tháng.....năm.....

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Mẫu biểu 2.2.4

Công ty CP cơ khí và VLXD Thanh Phúc

Mẫu số 01- TT

QĐ số 15/2006/QĐ/BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU THU số T16

Ngày 08 tháng 12 năm 2010

TK ghi nợ :111 37.612.300

TK ghi có :511 34.193.000

3331 3.419.300

Họ và tên người nộp tiền: Công ty Hiệp Phát

Địa chỉ : Số 17/78 Trần Nguyên Hãn, Lê Chân, Hải Phòng

Lí do thu : Thu tiền gạch Tezo

Số tiền : 37.612.300đồng

Bằng chữ : (Ba bảy triệu sáu trăm mười hai nghìn ba trăm đồng)

Kèm theo : Chứng từ gốc

Ngày 08 tháng 12 năm 2010

TT đơn vị	KT trưởng	Người lập phiếu	Thủ quỹ	Người nộp tiền
				(ghi rõ họ tên)

Đã nhận đủ số tiền(viết bằng chữ):Bảy triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng

+ Tỷ giá ngoại tệ(vàng bạc đá quý)

+Số tiền quy đổi

Ví dụ 2 :

Ngày 15/12/2010 Công ty bán 250m² gạch block cho Công ty quản lí CTCC và DVDT Cát Hải, ĐG:87.000 đ/m²,thuế GTGT 10 %,khách hàng thanh toán bằng chuyển khoản

Công ty Cổ phần cơ khí và VLXD
Thanh Phúc
160 Hoàng Quốc Việt, Kiến An, HP

Mẫu số 02 – VT
Theo Q Đ 15/2006/Q Đ – BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng
BTC

PHIẾU XUẤT KHO

Số: 168

Ngày 8 tháng 12 năm 2010

Nợ:.....

Có:.....

Họ tên người nhận hàng : Đỗ Ngọc Nguyên

Địa chỉ: Công ty Quản lý CTCC và DVDT Cát Hải

Lý do xuất: Bán gạch block

Xuất tại kho: kho công ty

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư, hàng hóa	Mã Số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Gạch block đỏ		M ²		250	85.000	21.250.000
2							
3							
	Cộng						21.250.000

Cộng thành tiền(viết bằng chữ): Hai một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng

Người lập phiếu
(đã ký)

Người kiểm tra
(đã ký)

Người nhận hàng
(đã ký)

Hóa đơn				Mẫu số 01 GTKT-3LL	
Giá trị gia tăng				KX/2009B	
Liên 1 : Lưu				0068121	
Ngày 15 tháng 12 năm 2010					
Đơn vị bán hàng : Công ty Cổ phần cơ khí và vật liệu xây dựng Thanh Phúc Địa chỉ : 160 Hoàng Quốc Việt , Kiến An , Hải Phòng Số tài khoản : Điện thoại : 031308376318 MST : 020091260					
Họ và tên người mua hàng: Đỗ Ngọc Nguyên Tên đơn vị : Công ty Quản lý CTCC và DVDT Cát Hải Địa chỉ : Tổ 1- Khu 1 – Thị trấn Cát Bà – Huyện Cát Hải – Hải Phòng Số TK : Hình thức thanh toán :Chuyển khoản MST : 0200453857					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	SL	Đơn giá	Thành tiền
1	Gạch terrazzo	M2	250	87.000	21.750.000
2					
Cộng tiền hàng:					21.750.000
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		2.175.000
Tổng tiền thanh toán:					23.925.000
Số tiền viết bằng chữ: Hai ba triệu chín trăm hai năm nghìn đồng					
<i>Nguồn dữ liệu: trích nguồn dữ liệu phòng kế toán</i>					

Biểu mẫu 2.1.9

Ngân hàng TMCP Kỹ Thương VN

Theo công văn số 21/2008/CT/AC

KAN – TCB KIEN AN

Cục thuế Hà Nội

MST : 010023800-004

PHIẾU BẢO CỐ

(Kèm hóa đơn thu phí dịch vụ)

Ngày 16 tháng 12 năm 2010

Kính gửi: Cty CP CK & VLXD Thanh Phúc

Số TK:10920131262019

Địa chỉ:160- Hoàng Quốc Việt-KA

Loại tiền:VNĐ

Mã số thuế:0200656310

Loại TK:TIEN GUI TT

Số ID khách hàng:20131262

Số BT HT:FT103600174

Chúng tôi xin thông báo đã ghi nợ tài khoản của quý khách số tiền theo chi tiết sau:

Nội dung	Số tiền
Chuyển khoản	21.750.000
Thuế VAT	2.175.000
Tổng số tiền	23.925.000

Số tiền viết bằng chữ: Hai ba triệu chín trăm hai năm nghìn đồng

Trích yếu: Công ty Quản lý CTCC và DVDT Cát Hải trả tiền mua hàng hóa theo HĐ số 0068121 ngày 15/12/2010

Biểu số 2.2.5

Công ty Cổ phần cơ khí và VLXD Thanh Phúc
160 Hoàng Quốc Việt, Kiến An, HP

Mẫu số 01 – VT
QĐ số 15/2006/QĐ/BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tên TK: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

Năm 2010

Chứng từ		Diễn giải	SHTK ĐU	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			0
		Phát sinh trong kỳ			
					
HĐ 0068009	8/12	Bán gạch Terazo cho cty Hiệp Phát	111		34.193.000
HĐ 0068010	9/12	Bán gạch Terazo thu bằng tiền mặt	111		17.937.500
					
HĐ 0068121	15/12	Bán gạch block cho cty Quản lý CTCC & DVDT Cát Hải	112		21.750.000
					
PKT94	31/12	K/c doanh thu Bh	911	2.336.656.951	
		Cộng phát sinh		21.242.335.923	21.242.335.923
		Số dư cuối kỳ			0

Ngày.....tháng.....năm.....

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.2.6**Đơn vị: Công ty CP Cơ khí và VLXD Thanh Phúc****Số 160 Hoàng Quốc Việt Kiến An HP**

Mẫu số: 02 - TT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT

Tài khoản: 5111

Đối tượng: Doanh thu bán gạch tero

Loại tiền: VNĐ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ứng đối	Số phát sinh	
	Số hiệu HĐ	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
						
8/12/10	0068009	8/12/10	Bán gạch tero (Công ty Hiệp Phát)	111		34,193,000
8/12/10	0068010	8/12/10	Bán gạch tero (Cửa hàng ông Công)	111		17.937.500
		...				
15/12/10	0068121	15/12	Bán gạch block(cty CTCT&DVDT Cát Hải)			21.750.000

31/12/10	0069023	31/12/10	Cty TNHH Dũng Thành	131		5,243,709
31/12/10	PKT 143	31/12/10	K/C doanh thu bán hàng	911	98,546,213	
			Cộng số phát sinh		862,355,600	862,355,600
			Số dư cuối kỳ			

Sổ này có... Trang đánh số từ trang 01 đến trang....

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Ngày mở sổ

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu số: 2.2.7**Đơn vị: Công ty CP cơ khí và VLXD Thanh Phúc**

Mẫu số: 02 GTGT

Số 160 Hoàng Quốc Việt Kiến An HP**BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ BÁN RA**

(Kèm theo tờ khai thuế GTGT)

(Dùng cho cơ sở tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế kê khai hàng tháng)

Tháng 12 năm 2010

Tên cơ sở kinh doanh: Công ty Cổ phần Cơ khí và VLXD Thanh Phúc

Mã số thuế: 02 0065631 0

Địa chỉ: Số 160 Hoàng Quốc Việt – Kiến An – HP

Hoá đơn, chứng từ bán ra			Tên người mua	Mã số thuế	Mặt hàng	Doanh số bán chưa có thuế	Thuế suất	Thuế GTGT	Ghi chú
Ký hiệu hoá đơn	Số hóa đơn	Ngày, tháng,							
									
KX/2010B	0068009	08/12/2010	Cty ĐT XD Hiệp Phát	0200910260	Gạch tero	34,193,000	10%	3.419.300	
KX/2010B	0068010	08/12/2010	Cửa hàng nhà ông Công		Gạch tero	3,256,176	10%	325,618	
KX/2010B	0068011	08/12/2010	Bùi Văn Miện –HD	800171371	Gạch block	5,015,668	10%	501,567	
KX/2010B	0068012	09/12/2010	Bà Sim-HD		Zikzac đỏ	6,650,000	10%	665,000	

KX/2010B	0068121	15/12/2010	Cty CTCC&DVDT Cát Hải	0200453857	Gạch block	21.750.000	10%	2.175.000	
	...	...	...						
KX/2010B	0069022	31/12/2010	Ô. Quân Phạm Ngũ Lão- HD		Gạch block	18,657,849	10%	1,865,785	
KX/2010B	0069023	31/12/2010	Cty TNHH Dũng Thành	0200257120	Gạch tero	5,243,709	10%	524,371	
Tổng Cộng						1,027,036,220	10%	102,703,622	

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Hải phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2010

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

2.2.2 Hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu

Mặc dù công ty đã kiểm tra hàng hoá trước khi nhận nhưng vẫn còn tồn tại một số lượng hàng bị trả lại gây giảm trừ doanh thu. Lý do có thể do khâu vận chuyển, bảo quản dẫn đến hàng bị giảm chất lượng. Giá trị của hàng bị trả lại sẽ điều chỉnh doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm hàng hoá đã bán ra trong kì.

Trong một số trường hợp những người mua vẫn chấp nhận thanh toán số hàng trên với điều kiện giảm giá bán. Với mức giảm theo thoả thuận của cả hai bên.

Chiết khấu thương mại: Là một trong những phương thức nhằm kích thích tiêu thụ hàng hoá rất hữu hiệu. Nghĩa là khách hàng sẽ được hưởng tỷ lệ phần trăm giảm trừ tương ứng với khối lượng mua theo quy định. Để hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu, kế toán sử dụng các tài khoản:

- + TK 531: Hàng bán bị trả lại
- + TK 532: Giảm giá hàng bán
- + TK 521 : Chiết khấu thương mại
- Sổ sách kế toán sử dụng:
 - + Chứng từ ghi sổ
 - + Sổ cái TK 531,532,511,521
 - + Sổ sách chứng từ có liên quan khác
- Quy trình luân chuyển các khoản giảm trừ doanh thu

Từ các chứng từ liên quan, kế toán ghi vào Sổ cái TK 521, 531, 532. Kết chuyển sang TK 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tháng 12, tại Công ty không phát sinh nghiệp vụ về hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán nên em không trích dẫn ra đây.

2.2.3 Hạch toán giá vốn hàng bán

Trị giá vốn hàng bán trong kì tại Công ty được tính theo phương pháp bình quân gia quyền cả kì dự trữ.

Khi khách hàng có nhu cầu mua hàng, kế toán sẽ xuất hoá đơn GTGT, sau đó chuyển xuống kho để thủ kho lập phiếu xuất kho. Phiếu xuất kho được lập thành 3 liên:

- + Liên 1: Lưu ở bộ phận lập phiếu
- + Liên 2: Thủ kho giữ để ghi vào thẻ kho, sau đó chuyển cho phòng kế toán để ghi sổ kế toán.
- + Liên 3: Giao cho khách hàng.

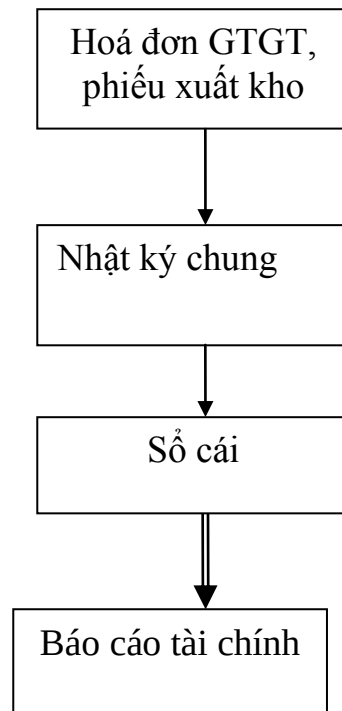
Căn cứ vào phiếu xuất kho phát sinh kế toán tập hợp vào Sổ cái TK 632.

- Để phản ánh giá vốn hàng xuất bán, công ty sử dụng tài khoản 632- Giá vốn hàng bán.

- Sổ sách chứng từ sử dụng:

- + Hoá đơn GTGT
- + Phiếu xuất kho
- + Sổ cái tk 156, 632
- + Thẻ kho

Biểu 2.2.3: Quy trình luân chuyển chứng từ trong hạch toán giá vốn



Ghi chú :

- : Ghi hàng ngày
- ====→ : Ghi cuối tháng
- ←-----> : Đối chiếu, kiểm tra

Ví dụ:

Tháng 12 năm 2010 :

+ Gạch lục lăng 30 vàng

Tồn ĐK 15.411 viên ĐG: 4 111 đ

Nhập trong kì 80.000 viên ĐG : 4 125 đ

Công ty áp dụng phương pháp xuất kho theo phương pháp Bình quân gia quyền cả kì dự trữ. Được tính như sau:

Đơn giá $15.411 \times 4.111 + 80.000 \times 4.125$

lục lăng vàng = $\frac{\quad}{15.411 + 80.000}$ = 4.123(đồng/viên)
xuất trong kì

+Gạch tero 40

Tồn ĐK 6.444 viên ĐG: 5 061 đ/ viên

Nhập 60.000 viên ĐG : 4 096 đ/ viên

Đơn giá $6.444 \times 5.061 + 60.000 \times 4.096$

gạch tero 40 = $\frac{\quad}{6.444 + 60.000}$ = 4.251(đồng/viên)
xuất trong kì

+ Gạch block 09(3 lỗ) 09x19x39 :

Tồn ĐK 5.120 viên ĐG : 3 240 đ/viên

Nhập 35.000 viên ĐG : 3 400 đ/ viên

Đơn giá $5.120 \times 3.240 + 35.000 \times 3.400$

block 09 = $\frac{\quad}{5.120 + 35.000}$ = 3 380(đồng/viên)
xuất trong kì

Lấy lại ví dụ bán 2 206 viên gạch tero 40 cho công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Hiệp Phát :

Biểu số 2.1.1

Công ty Cổ phần cơ khí và VLXD
Thanh Phúc
160 Hoàng Quốc Việt, Kiến An, HP

Mẫu số 01 – TT
Theo QĐ số 15/2006/QĐ/BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU NHẬP KHO

Số: 152

Ngày 5 tháng 12 năm 2010

Nợ:....155.....

Có:.....154.....

Họ và tên người giao hàng: Trần Văn Nam

Theo giấy biên nhận ngày 05/12/2010

Nhập tại kho: Công ty Cổ phần cơ khí và vật liệu xây dựng Thanh phúc

STT	Tên vật tư	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Gạch Terazo 40		viên	8.000	8.000	14.251	114.008.000
2							
3							
	Cộng						114.008.000

Cộng thành tiền(viết bằng chữ): Một trăm mười bốn triệu không trăm linh tám nghìn đồng.

Người lập phiếu	Người nhận hàng	Thủ kho	Kế toán trưởng	Giám đốc
(đã ký)	(đã ký)	(đã ký)	(đã ký)	(đã ký)

Biểu số 2.2.3

Công ty Cổ phần cơ khí và VLXD Thanh Phúc
160 Hoàng Quốc Việt, Kiến An, HP

Mẫu số 02b – DN
QĐ số 15/2006/QĐ – BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		Phát sinh trong kỳ			
....					
PNK152	5/12	Nhập kho gạch	155	114.008.000	
		Tero 40	154		114.008.000
HĐ 0068009	8/12	Bán gạch terazo	111	37.612.300	
		cho công ty hiệp	511		34.193.000
		Phát	3331		3.419.300
PX168	8/12	Giá vốn gạch	632	31.437.706	
		Terazo	155		31.437.706
PC115	9/12	Thanh toán tiền	641	8.500.000	
		v/c gạch Block đi	111		8.500.000
		gửi bán			
PC118	10/12	Chi tiếp khách	642	5.000.000	
			111		5.000.000
....					
		Cộng phát sinh		132.665.823.949	132.665.823.949

Ngày.....tháng.....năm.....

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.2.3

Công ty Cổ phần cơ khí và VLXD
Thanh Phúc
160 Hoàng Quốc Việt, Kiến An, HP

Mẫu số 01 – VT
Theo QĐ 15/2006/QĐ – BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tên TK: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

Năm 2010

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			0
		Phát sinh trong kỳ			
					
PX168	8/12	Bán gạch Tezo cho cty Hiệp Phát	155	31.437.706	
PX169	9/12	Bán gạch Tezo thu bằng tiền mặt	155	17.527.500	
					
PKT95	31/12	K/c giá vốn	911		1.939.425.269
		Cộng phát sinh		17.631.138.810	17.631.138.810
		Số dư cuối kỳ			0

Ngày.....tháng.....năm.....

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.1.7

Công ty Cổ phần cơ khí và VLXD
Thanh Phúc
160 Hoàng Quốc Việt, Kiến An, HP

Mẫu số 01 – VT
Theo QĐ 15/2006/QĐ – BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tên TK: Thành phẩm

Số hiệu TK: 155

Năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

NT	Chứng từ		Diễn giải	SHTK ĐƯ	Số hiệu	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		<u>3.053.585.210</u>	
			Phát sinh trong kỳ			
						
5/12	PN152	5/12	Nhập kho thành phẩm	154	114.008.000	
6/12	PN153	6/12	Nhập kho thành phẩm	154	55.530.000	
7/12	PN154	7/12	Nhập kho thành phẩm	154	44.930.000	
8/12	PX168	8/12	Giá vốn gạch Terazo	632		31.437.706
....						
			Cộng phát sinh		805.487.223	741.196.003
			Số dư cuối kỳ		<u>3.117.876.430</u>	

Ngàytháng.....năm.....

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.4 Hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

2.2.4.1 Hạch toán chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng là những chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng bao gồm: Chi phí nhân công, chi phí vận chuyển,...

- Tài khoản sử dụng: Để hạch toán chi phí bán hàng Công ty sử dụng tài khoản:

TK 641- Chi phí bán hàng. Được chi tiết thành các tiểu khoản như sau:

- +TK 6411- Chi phí nhân viên
- + TK 6413 - Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- + TK 6414 - Chi phí khấu hao TSCĐ
- + TK 6417 - Chi phí dịch vụ mua ngoài
- + TK 6418 - Chi phí bằng tiền khác
- Sổ kế toán sử dụng:
 - + Sổ cái TK 641
 - + Các sổ chi tiết có liên quan

Cuối kì kết chuyển chi phí bán hàng vào TK 911- Xác định kết quả kinh doanh

2.2.4.2 Hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là tài khoản phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài khác (điện, nước, fax, cháy, nổ,...), chi phí bằng tiền khác (chi phí tiếp khách , hội nghị khách hàng,...)

Để hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp, Công ty sử dụng tài khoản 642

- + TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý
- + TK 6422: Chi phí văn phòng phẩm
- + TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ
- + TK 6425: Thuế, phí và lệ phí
- + TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài

+ TK 6428: Chi phí bằng tiền khác

Sổ sách kế toán sử dụng: Để hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp kế toán căn cứ vào:

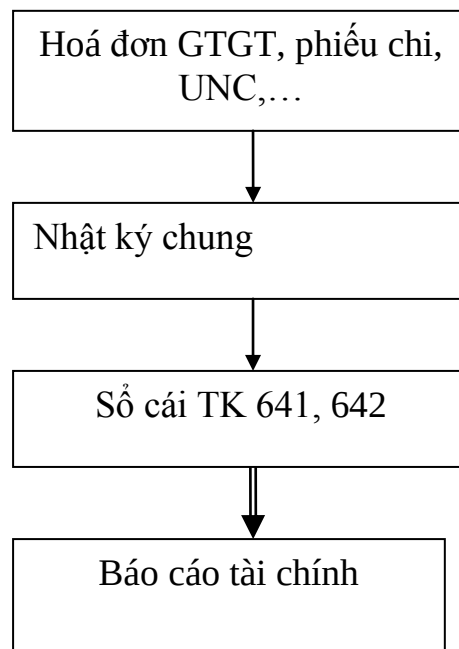
- + Bảng phân bổ tiền lương
- + Bảng trích khấu hao TSCĐ
- + Phiếu chi về dịch vụ mua ngoài (điện, nước,...)
- + Các chi phí bằng tiền khác...

Các sổ sách, chứng từ sử dụng:

- + Phiếu chi
- + Bảng phân bổ tiền lương
- + Sổ cái TK 642
- + Bảng tính khấu hao TSCĐ
- + Các sổ chi tiết có liên quan

Cuối kỳ kết chuyển sang TK 911 để xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Quy trình luân chuyển chứng từ trong hạch toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp :



Ghi chú :

→ : Ghi hàng ngày

⇒ : Ghi cuối tháng, quý, năm

Ví dụ 1:

Ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty thanh toán :

+ Tiền vận chuyển gạch : 2.245.533 (đồng)

Căn cứ vào hoá đơn, Bảng thanh toán tiền bốc vác. Kế toán ghi vào:

+ Phiếu chi (Biểu số: 2.2.1)

+ Sổ nhật ký chung (Biểu số 2.2.2)

+ Sổ cái TK 641 (Biểu số: 2.2.3)

Ví dụ 2:

Ngày 10 tháng 12 năm 2010, Công ty thanh toán tiền chi cho tiếp khách số tiền 5.000.000 đồng

Căn cứ vào hoá đơn . Kế toán lập:

+ Phiếu chi (Biểu số: 2.2.4)

+ Sổ nhật ký chung (Biểu số (2.2.2)

+ Sổ cái TK 642 (Biểu số: 2.2.5)

Biểu số 2.2.1

Công ty Cổ phần cơ khí và VLXD
Thanh Phúc
160 Hoàng Quốc Việt, Kiến An, HP

Mẫu số 02 – TT
QĐ số 15/2006/QĐ/BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU CHI

Số: C115

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

TK ghi nợ: TK 641: 2.245.533

TK ghi có: TK 111 : 2.245.533

Họ và tên người nhận tiền:.....Đỗ Thị Pha.....

Địa chỉ:.....

Lý do chi:..... tiền vận chuyển.....

Số tiền:..... 2.245.533

Bằng chữ:.....(Hai triệu hai trăm bốn mươi năm nghìn).....

Kèm theo.....chứng từ gốc.....

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Thủ quỹ	Người nhận tiền
(ký, họ tên, đóng dấu)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền(viết bằng chữ):.....

+ Tỷ giá ngoại tệ(vàng, bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....

Biểu số 2.2.2

Công ty Cổ phần cơ khí và VLXD Thanh Phúc
160 Hoàng Quốc Việt, Kiến An, HP

Mẫu số 02b – DN
QĐ số 15/2006/QĐ – BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		Phát sinh trong kỳ			
....					
HĐ 0068009	8/12	Bán gạch terazo cho công ty hiệp Phát	131 511 3331	37.612.300	34.193.000 3.419.300
PX168	8/12	Giá vốn gạch Terazo	632 155	31.437.706	31.437.706
PC115	9/12	Chi tiền tiền vận chuyển	641 111	2.245.533	2.245.533
PC116	10/12	Chi tiếp khách	642 111	5.000.000	5.000.000
....					
		Cộng phát sinh		132.665.823.949	132.665.823.949

Ngày.....tháng.....năm.....

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.2.3

Công ty Cổ phần cơ khí và VLXD
Thanh Phúc
160 Hoàng Quốc Việt, Kiến An, HP

Mẫu số 01 – VT
Theo QĐ 15/2006/QĐ – BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tên TK: Chi phí bán hàng

Số hiệu: 641

Năm 2010

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			0
		Phát sinh trong kỳ			
					
PC114	9/12	Thanh toán tiền v/c gạch Block đi gửi	111	8.500.000	
PC115	31/12	Chi tiền, tiền vận chuyển	111	2.245.533	
					
PKT95	31/12	K/c chi phí BH	911		35.049.854
		Cộng phát sinh		318.635.039	318.635.039
		Số dư cuối kỳ			0

Ngày.....tháng.....năm.....

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.2.4

Công ty Cổ phần cơ khí và VLXD
Thanh Phúc
160 Hoàng Quốc Việt, Kiến An, HP

Mẫu số 02 – TT
QĐ số 15/2006/QĐ/BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU CHI

Số: C118

Ngày 10 tháng 12 năm 2010

TK ghi nợ 642: 5.000.000

TK ghi có 111: 5.000.000

Họ và tên người nhận tiền:.....Đỗ Thị Pha.....

Địa chỉ:.....

Lý do chi:.....chi tiếp khách.....

Số tiền:.....5.000.000.....

Bằng chữ:.....(Năm triệu đồng).....

Kèm theo.....chứng từ gốc.....

Ngày 10 tháng 12 năm 2010

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Thủ quỹ	Người nhận tiền
(ký, họ tên, đóng dấu)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền(viết bằng chữ):.....

+ Tỷ giá ngoại tệ(vàng, bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....

Biểu số 2.2.5

Công ty Cổ phần cơ khí và VLXD
Thanh Phúc
160 Hoàng Quốc Việt, Kiến An, HP

Mẫu số 01 – VT
Theo QĐ 15/2006/QĐ – BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tên TK: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu: 642

Năm 2010

NT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			0
			Phát sinh trong kỳ			
						
10/12	PC118	10/12	Chi tiếp khách	111	5.000.000	
31/12	BPBL T12	31/12	CP tiền lương của nhân viên VP	334	39.640.000	
			Các khoản trích theo lương	338	8.720.800	
						
31/12	PKT95	31/12	K/c chi phí QLDN	911		76.472.410
			Cộng phát sinh		637.270.078	637.270.078
			Số dư cuối kỳ			0

Ngày.....tháng.....năm.....

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.5 Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính

Chi phí tài chính chủ yếu là chi phí lãi vay phải trả cho ngân hàng và doanh thu tài chính cũng chủ yếu là lãi từ tài khoản tiền gửi ngân hàng, . Con số này chiếm tỷ trọng không nhiều trong tổng doanh thu hàng năm của doanh nghiệp.

2.2.5.1 Tài khoản sử dụng

- TK 515 : Doanh thu tài chính.
- TK 635 : Chi phí tài chính.

2.2.5.2 Chứng từ, sổ sách sử dụng

- Phiếu chi.
- Các chứng từ khác liên quan (nếu có).
- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ Cái TK 515, TK 635.

Ví dụ.1: Chi phí lãi vay phải trả NH trong quý tháng 12 là 8.798.469 đ

Nợ TK 635 : 8.798.469

Có TK 111 : 8.798.469

Ví dụ 2: Chứng từ NH số 167 ngày 31/12/2010, nhập lãi TK tiền gửi Ngân hàng Techcombank T12/2010, số tiền là 5,735,068 đ.

Nợ TK 1121 : 5,735,068

Có TK 515 : 5,735,068

Căn cứ vào phiếu chi số 117 (biểu số 2.2.5.1) chứng từ phát sinh nghiệp vụ. Kế toán vào:

- Nhật ký chung (Biểu số 2.2.5.2)
- Sổ cái TK 515 (Biểu số 2.2.5.4)
- Sổ cái TK 635 (Biểu số 2.2.5.3)
- Và các sổ sách khác có liên quan.

Biểu số 2.2.5.1

Công ty Cổ phần cơ khí và VLXD
Thanh Phúc
160 Hoàng Quốc Việt, Kiến An, HP

Mẫu số 02 – TT
QĐ số 15/2006/QĐ/BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU CHI

Số: C117

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

TK ghi nợ 635: 8.798.469

TK ghi có 111: 8.798.469

Họ và tên người nhận tiền:.....Đỗ Thị Pha.....

Địa chỉ:.....

Lý do chi:Trả lãi tiền vay NH tháng 12.....

Số tiền:..... 8.798.469.....

Bằng chữ:....Tám triệu bảy trăm chín tám nghìn bốn trăm sáu chín nghìn.....

Kèm theo.....1...chứng từ gốc.....

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Thủ quỹ	Người nhận tiền
(ký, họ tên, đóng dấu)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền(viết bằng chữ):.....

+ Tỷ giá ngoại tệ(vàng, bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....

Biểu số 2.2.5.2

Công ty Cổ phần cơ khí và VLXD Thanh Phúc
160 Hoàng Quốc Việt, Kiến An, HP

Mẫu số 02b – DN
QĐ số 15/2006/QĐ – BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	SH	Số tiền	
SH	NT		TK	Nợ	Có
		Phát sinh trong kỳ			
....					
PC115	9/12	Chi tiền điện thoại cho BP BH, tiền vận chuyển	641 111	3.090.757	3.090.757
PC116	10/12	Chi tiếp khách	642 111	5.000.000	5.000.000
PC 117	31/12	Chi phí lãi vay tháng 12	635 111	8.798.469	8.798.469
CTNH 167	31/12	Nhập lãi tiền gửi tháng 12	515 112	5,735,068	5,735,068
....					
		Cộng phát sinh		132.665.823.949	132.665.823.949

Ngày.....tháng.....năm.....

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.2.5.3

Công ty Cổ phần cơ khí và VLXD
Thanh Phúc
160 Hoàng Quốc Việt, Kiến An, HP

Mẫu số 01 – VT
Theo QĐ 15/2006/QĐ – BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tên TK: Chi phí tài chính

Số hiệu: 635

Năm 2010

NT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			0
			Phát sinh trong kỳ			
						
30/9	PC 89	30/9	Chi phí lãi vay tháng 11	111	7.935.822	
31/12	PC117	31/12	Chi phí lãi vay tháng 12	111	8.798.469	
						
31/12	PKT95	31/12	K/c chi phí tài chính	911		51.331.555
			Cộng phát sinh		137.270.078	137.270.078
			Số dư cuối kỳ			0

Ngày.....tháng.....năm.....

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.2.5.4

Công ty Cổ phần cơ khí và VLXD
Thanh Phúc
160 Hoàng Quốc Việt, Kiến An, HP

Mẫu số 01 – VT
Theo QĐ 15/2006/QĐ – BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tên TK: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

Năm 2010

NT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			0
			Phát sinh trong kỳ			
						
30/11	CTNH 150	30/11	Nhập lãi tiền gửi tháng 11	112		5,035,223
31/12	CTNH 167	31/12	Nhập lãi tiền gửi tháng 12	112		5,735,068
						
31/12	PKT96	31/12	K/c doanh thu HĐTC	911	46.135.757	
			Cộng phát sinh		125.354.662	125.354.662
			Số dư cuối kỳ			0

Ngày.....tháng.....năm.....

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.6 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

Thu nhập khác là các khoản thu nằm ngoài các khoản thu trên. Tại công ty các khoản thu khác phát sinh không nhiều chủ yếu là từ thanh lý nhượng bán tài sản.

Chi phí khác là những khoản chi không thuộc hoạt động sản xuất kinh doanh hay hoạt động tài chính. Cũng giống như chi phí khác chi phí khác của công ty cũng chỉ là một con số nhỏ chủ yếu là chi phí nhượng bán thanh lý TSCĐ, giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý.

2.2.6.1 Tài khoản sử dụng

TK 711: Thu nhập khác

TK 811: Chi phí khác

2.2.6.2 Chứng từ, sổ sách sử dụng

- Hoá đơn GTGT
- Biên bản thanh lý TSCĐ
- Phiếu thu
- Các chứng từ khác có liên quan
- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái TK 711, TK 811

VD1 : Ngày 20/12 thanh lý 1 máy ép ngói terrazzo, sử dụng từ năm 2003, nguyên giá 82.354.000, đã khấu hao hết, thu được 2.000.000 tiền mặt, chi phí liên quan đến hoạt động thanh lý 100.000 đồng.

Biểu số 2.2.6.1

Công ty Cổ phần cơ khí và VLXD
Thanh Phúc
160 Hoàng Quốc Việt, Kiến An, HP

Mẫu số 01 – VT
Theo QĐ 15/2006/QĐ – BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tên TK: Thu nhập khác

Số hiệu: 711

Năm 2010

NT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			0
			Phát sinh trong kỳ			
						
20/12	BBTL12	20/12	Thu tiền thanh lý máy ép ngói terrazzo	111		1.818.181
22/12	BBTL13	22/12	Thu tiền phạt do KH vi phạm HĐ	111		10.000.000
						
31/12	PKT100	31/12	K/c thu nhập khác	911	25.157.628	
			Cộng phát sinh		85.354.662	85.354.662
			Số dư cuối kỳ			0

Ngày.....tháng.....năm.....

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.2.6.1

Công ty Cổ phần cơ khí và VLXD
Thanh Phúc
160 Hoàng Quốc Việt, Kiến An, HP

Mẫu số 01 – VT
Theo QĐ 15/2006/QĐ – BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tên TK: Chi phí khác

Số hiệu: 811

Năm 2010

NT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			0
			Phát sinh trong kỳ			
						
20/12	BBTL12	20/12	Chi phí thanh lý máy ép ngói terrazo	111	100.000	
21/12	PC 120	21/12	Tiền phạt do giao hàng chậm	111	12.500.000	
						
31/12	PKT100	31/12	K/c chi phí khác	911		37.162.390
			Cộng phát sinh		58.422.000	58.422.000
			Số dư cuối kỳ			0

Ngày.....tháng.....năm.....

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.7 Xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

- + Kết quả hoạt động kinh doanh
- + Kết quả hoạt động tài chính
- + Kết quả hoạt động khác

Để xác định kết quả kinh doanh, kế toán sử dụng

- +TK 911- Xác định kết quả kinh doanh
- + TK 421- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Chứng từ, sổ sách sử dụng:

- + Các sổ cái liên quan: 511, 515, 632, 641, 642, 711, 811, ...

Căn cứ vào sổ cái các TK 511, 515, 632, 641, 642, 711, 811, ... Cuối kỳ kế toán tiến hành kết chuyển sang TK 911 để xác định kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong kỳ kinh doanh đó Công ty lãi (lỗ) chuyển sang TK 421.

Ví dụ:

Tháng 12 kế toán kết chuyển từ sổ cái các TK 511, 515, 632, 641, 642, 711, 811, ... sang TK 911 rồi chuyển sang TK 421. Kế toán lập:

- Sổ cái TK 911 (Biểu số: 5.1)
- Sổ cái TK 421 (Biểu số: 5.2)

Biểu số 2.2.7.1

Công ty Cổ phần cơ khí và VLXD
Thanh Phúc
160 Hoàng Quốc Việt, Kiến An, HP

Mẫu số 01 – VT
Theo QĐ 15/2006/QĐ – BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tên TK: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Năm 2010

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			0
		Phát sinh trong kỳ			
					
PKT94	31/12	K/c doanh thu bán hàng	511		2.336.656.951
PKT95	31/12	K/c giá vốn hàng bán	632	1.939.425.269	
PKT95	31/12	K/c chi phí bán hàng	641	35.049.854	
PKT95	31/12	K/c chi phí quản lý DN	642	76.472.410	
PKT94	31/12	K/c doanh thu HĐTC	515		46.135.757
PKT95	31/12	K/c chi phí Tài chính	635	51.331.555	
PKT96	31/12	K/c thu nhập khác	711		25.157.628
PKT97	31/12	K/c chi phí khác	811	37.612.390	
PKT98	31/12	K/c chi phí thuế TNDN	821	76.861.571	
PKT99	31/12	K/c lãi	421	230.584.711	
		Cộng phát sinh		21.254.955.443	21.254.955.443
		Số dư cuối kỳ			0

Ngày.....tháng.....năm.....

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.2.7.2

Công ty Cổ phần cơ khí và VLXD
Thanh Phúc
160 Hoàng Quốc Việt, Kiến An, HP

Mẫu số 01 – VT
Theo QĐ 15/2006/QĐ – BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tên TK: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Số hiệu: 421

Năm 2010

NT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			<u>1.827.623.593</u>
			Phát sinh trong kỳ			
....						
31/12	PKT96	31/12	Kết chuyển lãi T12	911		230.584.711
			Cộng phát sinh		459.702.430	2.407.873.102
			Số dư cuối kỳ			<u>3.775.794.265</u>

Ngày.....tháng.....năm.....

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.2.7.3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Mẫu số B02-DN
Theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của BTC

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm 2010

Người nộp thuế: Công ty Cổ phần cơ khí và VLXD Thanh Phúc

Mã số thuế:

Địa chỉ: 160, Hoàng Quốc Việt, Kiến An, Hải Phòng

Điện thoại: (031)3876318

Fax: 031 8378900

Email: thanhphuchp06@yahoo.com.vn

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1.Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		21.242.335.923	18.005.985.530
2.Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		21.242.335.923	18.005.985.534
4.Giá vốn hàng bán	11		17.631.138.810	14.951.205.760
5.Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		3.611.197.113	3.054.779.774
6.Doanh thu hoạt động tài chính	21		524.624.282	466.699.426
7.Chi phí tài chính	22		570.350.620	286.889.924
Trong đó: chi phí lãi vay	23		399.245.434	203.911.939
8.Chi phí bán hàng	24		318.635.039	302.267.909
9.Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		637.270.078	488.401.863
10.Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-22-24-25)	30		2.609.565.658	2.443.919.504

11.Thu nhập khác	31		25.157.628	22.641.865
12.Chi phí khác	32		37.162.390	29.729.912
13.Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(12.004.762)	(7.088.047)
14.Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		2.597.560.896	2.436.831.457
15.Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		649.390.224	609.207.864
16.Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	
17.Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		1.948.170.672	1.827.623.593
18.Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			

Lập ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập
(đã ký)

Kế toán trưởng
(đã ký)

Giám đốc
(đã ký)

CHƯƠNG 3 - HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ VLXD THANH PHÚC

3.1. Đánh giá khái quát kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần cơ khí và VLXD Thanh Phúc

3.1.1. Những ưu điểm về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần cơ khí và VLXD Thanh Phúc

- Nhìn chung công tác kế toán của công ty đảm bảo tuân thủ đúng chế độ kế toán của Nhà nước ban hành, phù hợp với điều kiện thực tế của công ty, đáp ứng yêu cầu quản lý, phản ánh được tình hình sử dụng vật tư, lao động, xác định doanh thu, chi phí hợp lý làm cơ sở để xác định kết quả kinh doanh, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước. Công ty áp dụng hệ thống tài khoản kế toán theo quy định của Bộ Tài Chính và chuẩn mực kế toán thống nhất trên cả nước.

- Về hình thức kế toán: công ty áp dụng hình thức Nhật ký chung, tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi chép vào Nhật ký chung mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế của nghiệp vụ đó

- Bộ máy kế toán được tổ chức theo mô hình tập trung, mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được gửi lên phòng kế toán để kiểm tra và ghi chép vào sổ sách. Hình thức này gọn nhẹ, đảm bảo công tác kế toán được thực hiện một cách hiệu quả. Việc bố trí và phân chia trách nhiệm cụ thể cho các kế toán viên phù hợp với yêu cầu công việc và chuyên môn của từng người. Theo mô hình này, các kế toán viên có mối quan hệ chặt chẽ, qua lại với nhau nhằm đảm bảo công tác kế toán được tiến hành liên tục, chính xác và kịp thời.

- Hệ thống chứng từ công ty sử dụng nhìn chung là đúng với mẫu biểu của Bộ Tài Chính ban hành. Những thông tin kinh tế đều được ghi chép một cách đầy đủ, chính xác vào chứng từ tạo điều kiện cho việc kiểm tra số liệu thực tế và số liệu

trên sổ sách kế toán. Chứng từ được kế toán phân loại và lưu trữ cẩn thận, thuận lợi cho việc tìm kiếm, đối chiếu số liệu.

- Về việc tổ chức kế toán doanh thu: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng và cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách kịp thời, chính xác, doanh thu được xác định một cách hợp lý và phù hợp với điều kiện ghi nhận doanh thu. Bên cạnh đó công ty theo dõi chi từng loại doanh thu, chi tiết từng mặt hàng, từng sản phẩm, từng cửa hàng, từng khách hàng. Như vậy sẽ giám sát được chặt chẽ tình hình thanh toán, ứ đọng vốn đồng thời phù hợp với yêu cầu theo dõi công nợ của công ty.

- Về kế toán chi phí: Các chi phí phát sinh được ghi chép một cách đầy đủ, kịp thời và hợp lý. Công ty cũng theo dõi chi phí chi tiết cho từng loại hình kinh doanh. Từ đó giúp ban lãnh đạo thấy được sự biến động chi phí của từng loại hình từ đó sẽ đưa ra được các chính sách tiết kiệm chi phí.

- Về hạch toán ban đầu: Các chứng từ cho hạch toán ban đầu phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ kinh tế phát triển, đúng với mẫu do Bộ tài chính quy định.

- Về hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên. Phương pháp này tạo điều kiện cho việc phản ánh, ghi chép và theo dõi sự biến động thường xuyên hàng ngày của hàng hoá.

3.1.2. Những vấn đề còn tồn tại trong kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD tại công ty CP cơ khí và VLXD Thanh Phúc

- Về việc ứng dụng kỹ thuật vào công tác kế toán: hầu hết các doanh nghiệp hiện nay đều sử dụng phần mềm kế toán máy trong công tác kế toán của mình để có thể quản lý dễ dàng, nhanh gọn và chính xác hơn. Việc ghi chép kế toán ở công ty còn thủ công, khối lượng công việc ghi chép còn phức tạp, sử dụng nhiều sổ sách, việc ghi chép chứng từ ban đầu còn chưa đồng bộ, chứng từ nhiều khi bỏ dồn nén mấy ngày mới ghi một lần làm cho sổ chứng từ không liên mạch với ngày ghi chép.

- Về việc bố trí nhân viên: việc bố trí nhân viên kế toán và phân định theo từng công việc cụ thể mang tính chuyên môn hóa cao có những ưu điểm và nhược

điểm khác nhau. Ưu điểm là khi các nhân viên làm việc đầy đủ, tập trung thì hiệu quả công việc rất cao. Nhưng nếu có một nhân viên thuộc bộ phận kế toán nào đó nghỉ làm trong một thời gian dài thì công tác kế toán sẽ gặp khó khăn bởi phần công việc của nhân viên này sẽ bị gián đoạn vì ko có người thay thế nên buộc các nhân viên kế toán ở bộ phận khác phải kiêm thêm công việc này. Do quá trình chuyên môn hóa quá lâu nên bản thân họ xử lý công việc chậm hơn ảnh hưởng đến tiến độ, hiệu quả chung của công việc, thậm chí còn gây ra những thiếu sót không đáng có. Để khắc phục nhược điểm này công ty nên có sự trao đổi vị trí của từng nhân viên sau một thời gian làm việc, từ đó có thể phát huy khả năng làm việc và sáng tạo của mỗi nhân viên.

- *Chính sách ưu đãi cho khách hàng*: trong quá trình tiêu thụ, chiến lược kinh doanh đóng một vai trò hết sức quan trọng. Nó sẽ tạo ra sức hấp dẫn lớn lôi cuốn khách hàng vì tâm lý khách hàng luôn muốn tiêu dùng những sản phẩm có thương hiệu tốt trên thị trường và được hưởng nhiều ưu đãi. Hiện tại công ty chỉ áp dụng chính sách giảm giá hàng bán, khi khách hàng là các đại lý thuộc công ty hoặc là các khách hàng mua với số lượng lớn công ty áp dụng giảm giá ngay trên giá mua. Bên cạnh đó, công ty nên áp dụng chiết khấu thanh toán. Chiết khấu thanh toán là việc cho khách hàng hưởng một khoản tiền khi khách hàng thanh toán nợ trước thời hạn. Nếu công ty sử dụng chiết khấu thanh toán thì sẽ có một công cụ tốt giúp công ty thu được tiền sớm, tránh tình trạng bị khách hàng chiếm dụng vốn.

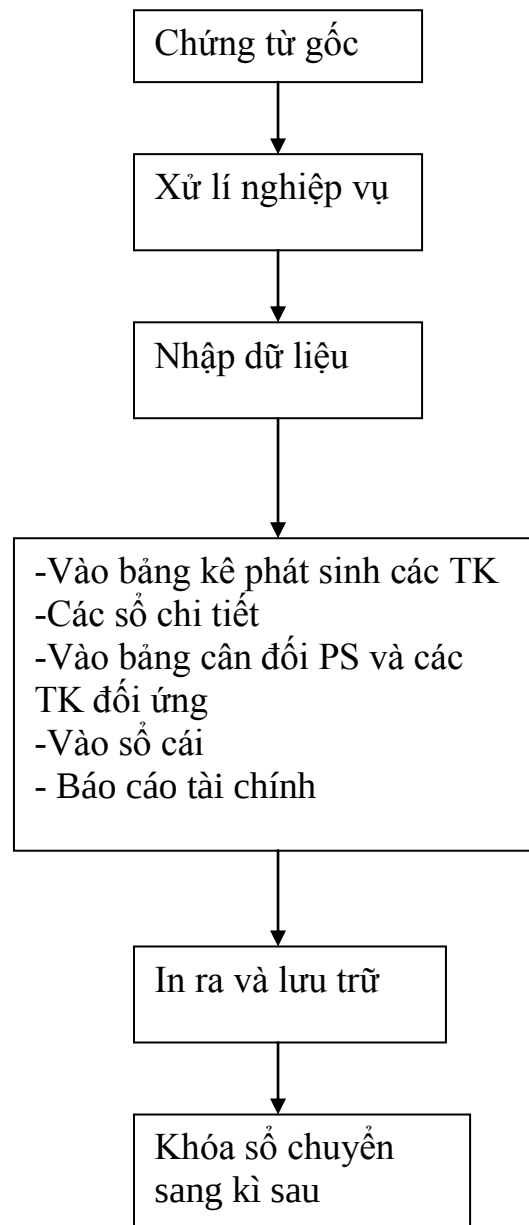
- *Về việc thu hồi công nợ*: Trong điều kiện hiện nay, công ty phải cạnh tranh gay gắt giữa các công ty kinh doanh cùng ngành hàng, việc tìm kiếm và thu hút khách hàng về phía mình là vấn đề mang tính sống còn đối với sự tồn tại và phát triển của công ty. Bên cạnh đó, biện pháp thu hồi công nợ giữ một vị trí đặc biệt quan trọng, biện pháp đó vừa đảm bảo cho việc thu hồi công nợ được diễn ra một cách nhanh chóng, không để cho khách hàng chiếm dụng vốn của công ty quá lâu, lại vừa duy trì được mối quan hệ với khách hàng cũ và mở rộng quan hệ với khách hàng mới. Đối với các đại lý mua hàng trực tiếp và các đại lý nhận hàng lý gửi của công ty, việc mua hàng thanh toán chậm diễn ra thường xuyên nhưng công ty chưa quy định thời hạn thanh toán tiền hàng. Do đó việc thu hồi vốn gặp khó

khẩn, vòng quay vốn bị chậm lại ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty

3.2 Một số ý kiến nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần cơ khí và VLXD Thanh Phúc

3.2.1 Ý kiến về việc ứng dụng kỹ thuật và công tác kế toán: công ty Cổ phần cơ khí và VLXD Thanh Phúc là một công ty sản xuất và kinh doanh các mặt hàng về cơ khí và vật liệu xây dựng, các sản phẩm tương đối đa dạng, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh nhiều mà việc hạch toán của công ty còn ở mức thủ công, chưa giúp công tác hạch toán kế toán đạt hiệu quả cao nhất. Việc đưa máy vi tính vào sử dụng trong công tác kế toán là rất cần thiết trong giai đoạn hiện nay, nó không những đáp ứng được nhu cầu cập nhật số liệu, bảng biểu mà còn là phương tiện giúp nhà quản lý nâng cao hiệu quả xử lý tốt các tình huống trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty nên trang bị hệ thống máy vi tính và phần mềm kế toán phù hợp, bồi dưỡng đào tạo đội ngũ cán bộ kế toán có kỹ năng sử dụng tốt phần mềm kế toán góp phần giảm bớt khối lượng ghi chép và tính toán; tạo điều kiện cho việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin kế toán nhanh chóng, kịp thời về tình hình tài chính của Công ty; tạo niềm tin vào các báo cáo tài chính mà Công ty cung cấp cho các đối tượng bên ngoài; Làm cho công việc của các kế toán sẽ không phải mất thời gian tìm kiếm, kiểm tra các số liệu trong việc tính toán số học đơn giản nhằm chận để giành thời gian nhiều hơn cho lao động sáng tạo của Cán bộ quản lý.

Sau đây là trình tự công việc kế toán khi áp dụng kế toán máy để công ty tham khảo và hoàn thiện hơn nữa: từ các chứng từ gốc, kế toán kiểm tra, sắp xếp số liệu để vào máy tính theo các TK tương ứng (xử lý nghiệp vụ). Máy tính sẽ giúp phân loại nghiệp vụ và ghi vào bảng kê các TK có liên quan, đến cuối kì người sử dụng có thể cho in ra sổ cái các tài khoản, các BCTC, các sổ sách có liên quan



3.2.2 Ý kiến về chính sách ưu đãi cho khách hàng: công ty nên áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán cho khách hàng. Chiết khấu thanh toán là số tiền giảm trừ cho người mua do người mua thanh toán tiền hàng trước thời hạn quy định trong hợp đồng hoặc trong cam kết. Số tiền chiết khấu này được hạch toán vào TK 635 “Chi phí hoạt động tài chính”. Phản ánh khoản chiết khấu thanh toán cho người mua hàng:

Nợ TK 635: Chi phí tài chính

Có TK 131,111,112: Chiết khấu thanh toán khách hàng được hưởng

Cuối ký, kết chuyển chiết khấu thanh toán sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

Nợ TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 635: Chi phí tài chính

Để áp dụng chiết khấu thanh toán trước hết công ty cần xây dựng chính sách chiết khấu phù hợp.

- Căn cứ từng khách hàng thanh toán nợ mà công ty áp dụng mức chiết khấu theo thời gian, cụ thể:

- Nếu khách hàng thanh toán tiền từ ngày 10 đến ngày 17 của tháng sau sẽ được hưởng mức chiết khấu 0.1%

- Nếu khách hàng thanh toán tiền từ ngày 18 đến ngày 25 của tháng sau sẽ được hưởng mức chiết khấu 0.05%

Sau khi xác định mức chiết khấu hợp lý, công ty cần thực hiện việc ghi chép kế toán thông qua TK 635 - Chi phí tài chính (phản ánh khoản chi phí cty phải chịu do giảm trừ khoản phải thu do khách hàng thanh toán trước thời hạn)

3.2.3. Về việc thu hồi công nợ: đối với các hộ kinh doanh là đại lý của công ty thì công ty nên quy định thời gian thanh toán tiền hàng ví dụ trong một tháng. Để công ty thu được tiền sớm, tránh tình trạng bị khách hàng chiếm dụng vốn công ty có thể sử dụng chiết khấu thanh toán. Như vậy, công ty sẽ tránh khỏi tình trạng bị chiếm dụng vốn, đồng thời làm tăng vòng quay của vốn giúp doanh nghiệp nâng cao hiệu quả kinh doanh.

3.2.4. Ý kiến về lập dự phòng phải thu khó đòi: việc thu tiền hàng gặp khó khăn ảnh hưởng không nhỏ đến doanh thu của công ty. Vì vậy, Công ty nên tính toán khoản nợ có khả năng khó đòi, tính toán lập dự phòng để đảm bảo sự phù hợp giữa doanh thu và chi phí trong kì. Để tính toán mức dự phòng phải thu khó đòi, Công ty nên đánh giá khả năng thanh toán của mỗi khách hàng là bao nhiêu phần trăm trên cơ sở số nợ thực và tỷ lệ có khả năng khó đòi tính ra dự phòng nợ thất thu

Đối với nợ thất thu, sau khi xóa khỏi bảng Cân đối kế toán, kế toán Công ty một mặt tiến hành đòi nợ, mặt khác theo dõi ở TK 004. Nợ khó đòi đã xử lý

Khi trích lập dự phòng phải thu khó đòi, kế toán tính toán và định khoản:

Nợ TK 642 (6)

Có TK 139

Khi khoản nợ phải thu khó đòi thực sử bị tổn thất kế toán sẽ sử dụng quỹ dự phòng phải thu khó đòi này để bù đắp như sau:

Nợ TK 139

Hoặc Nợ TK 642

Có TK 131

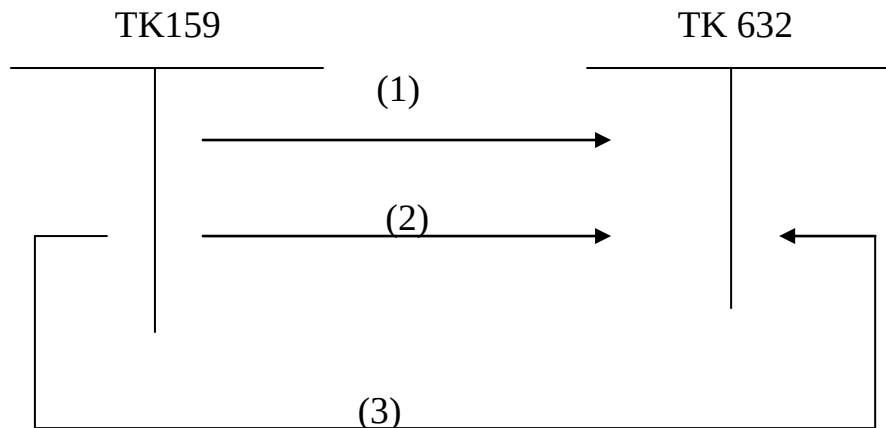
3.2.5 Ý kiến về lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Hoạt động sản xuất kinh doanh trong nền kinh tế thị trường chứa đựng nhiều yếu tố rủi ro. Trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh mà Công ty lựa chọn thì yếu tố thị trường chi phối rất lớn. Mọi sự trì trệ trong công tác tiêu thụ hay giá cả tăng, giảm đột biến đều có thể để lại những hậu quả không nhỏ tới hoạt động kinh doanh của Công ty. Do vậy, kế toán trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là thực sự cần thiết để đảm bảo tính ổn định cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập khi giá trị thuần có thể thu hồi được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc và được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Để trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, kế toán sử dụng TK 159 “dự phòng giảm giá hàng tồn kho” cho số hàng hoá cuối kỳ. TK 159 được mở chi tiết cho từng mặt hàng.

Khi thấy giá thị trường giảm so với giá thực tế ghi sổ thì kế toán tiến hành trích lập dự phòng cho số hàng tồn kho cuối kỳ

Mức dự phòng cần lập cho HTKi lập cho niên độ kế toán N	Số lượng HTKi tại thời điểm niên độ kế toán N	Giá gốc đơn vị	Giá thuần đơn vị có thể thu hồi tại thời điểm niên độ kế toán N ₊₁
=	x	-	

Sơ đồ : Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho

**Ghi chú:**

- (1) Cuối niên độ kế toán (N) tính, trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho
- (2) Cuối niên độ kế toán (N+1), trích lập bổ sung dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu số dự phòng giảm giá hàng tồn kho của niên độ kế toán (N+1) lớn hơn số dự phòng giảm giá hàng tồn kho của niên độ kế toán (N))
- (3) Cuối niên độ kế toán (N+1), ghi giảm chi phí số trích thừa dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu số dự phòng giảm giá hàng tồn kho của niên độ kế toán (N+1) nhỏ hơn số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập của niên độ kế toán (N))

Sang niên độ kế toán tiếp theo, với những hàng tồn kho đã lập dự phòng từ kì trước, nếu đã sử dụng hay đã bán thì ngoài ghi các bút toán ghi nhận doanh thu, giá vốn, kế toán phải hoàn nhập số dự phòng đã lập cho số hàng tồn kho đó với giá trị đúng bằng với số dự phòng cần lập.

KẾT LUẬN

Việc kinh doanh hàng hoá của doanh nghiệp chính là việc doanh nghiệp làm chiếc cầu nối giữa sản xuất và tiêu dùng với mục đích cuối cùng là lợi nhuận. Một doanh nghiệp muốn đạt được lợi nhuận cao cần cố gắng tăng doanh thu bằng cách tăng sản lượng sản phẩm bán ra không những trong thị trường nội địa mà ngay cả thị trường nước ngoài và giảm thiểu chi phí. Bởi vậy, trong bối cảnh nền kinh tế hiện nay sự cạnh tranh diễn ra ngày càng quyết liệt, công tác tiêu thụ hàng hoá trở thành vấn đề quan tâm hàng đầu thì việc tổ chức công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty Cổ phần cơ khí và vật liệu xây dựng Thanh Phúc cũng đòi hỏi phải được tổ chức một cách hoàn thiện.

Xuất phát từ thực tế tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần cơ khí và vật liệu xây dựng Thanh Phúc em xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến góp phần hoàn thiện công tác hạch toán kế toán nói riêng và công tác quản lý nói chung của công ty.

Mặc dù với sự cố gắng nỗ lực của bản thân, nhưng sự hiểu biết còn nằm trong khuôn khổ sách vở, kinh nghiệm thực tế còn hạn chế nên nội dung của khoá luận không tránh khỏi những thiếu sót. Em kính mong nhận được sự góp ý, chỉ bảo của các thầy cô và các anh chị trong phòng kế toán tại công ty Cổ phần cơ khí và vật liệu xây dựng Thanh Phúc để bài khoá luận của em được đầy đủ và hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của Tiến sĩ Chúc Anh Tú, cảm ơn các anh chị trong phòng kế toán của công ty cùng toàn thể các thầy cô trong Khoa Quản trị kinh doanh và nhà trường đã tạo điều kiện cho em hoàn thành bài khoá luận này.

Hải phòng, ngày....tháng... năm 2010

MỤC LỤC

Lời mở đầu	1
Chương 1: Vấn đề chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp sản xuất	3
1.1 Khái niệm, đặc điểm doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	3
1.1.1 Doanh thu	3
1.1.2 Các khoản giảm trừ doanh thu	3
1.1.3 Giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí QLDN	4
1.1.4 Doanh thu tài chính, chi phí tài chính	5
1.1.5 Chi phí khác, lợi nhuận khác	5
1.1.6 Xác định kết quả kinh doanh	6
1.2 Vai trò nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD	7
1.2.1 Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD	7
1.2.2 Yêu cầu nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD	8
1.3 Kế toán chi tiết doanh thu, chi phí và xác định KQKD	8
1.3.1 Kế toán doanh thu	8
1.3.2 Kế toán giá vốn hàng bán	14
1.3.3 Kế toán chi phí bán hàng	16
1.3.4 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp	18
1.3.5 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	21
1.3.6 Kế toán hoạt động khác	23
1.3.7 Kế toán xác định kết quả kinh doanh	25
1.4 Chứng từ và các hình thức sổ kế toán	27
1.4.1 Chứng từ sử dụng	27
1.4.2 Hệ thống sổ kế toán	27
Chương 2 : Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần cơ khí và VLXD Thanh Phúc	30
2.1 Tổng quan về công ty Cổ phần cơ khí và VLXD Thanh Phúc	30
2.1.1 Khái quát lịch sử hình thành và phát triển của công ty	31
2.1.2 Các giai đoạn phát triển của công ty	31

2.1.3 Cơ cấu bộ máy quản lý.....	33
2.1.4 Đặc điểm bộ máy kế toán và hình thức kế toán áp dụng tại công ty	34
2.2 Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần cơ khí và VLXD Thanh Phúc	37
2.2.1 Tổ chức kế toán doanh thu bán hàng	37
2.2.2 Hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	49
2.2.3 Hạch toán giá vốn hàng bán.....	50
2.2.4 Hạch toán chi phí bán hàng và chi phí QLDN	57
2.2.5 Kế toán doanh thu tài chính, chi phí tài chính	65
2.2.6 Kế toán thu nhập khác, chi phí khác	70
2.2.7 Xác định kết quả kinh doanh	77
Chương 3 :Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD tại công ty Cổ phần cơ khí và VLXD Thanh Phúc	
3.1 Đánh giá khái quát kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp	80
3.1.1 Những ưu điểm của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD tại doanh nghiệp	80
3.1.2 Những vấn đề còn tồn tại	81
3.2 Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần cơ khí và VLXD Thanh Phúc	83
KẾT LUẬN	89